

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Hoạt động Khoa học và Công nghệ năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023

Năm 2022, hoạt động khoa học và công nghệ (KH và CN) Hà Tĩnh tuy còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19 mang lại, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; sự quyết tâm của Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Khoa học và Công nghệ; sự hỗ trợ phối hợp của các ngành, các huyện, thành phố, thị xã; ngành KH và CN đã chủ động triển khai thực hiện kịp thời; lựa chọn các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung thực hiện; chỉ đạo điều hành linh hoạt, quyết liệt, đổi mới, sáng tạo... kết quả hoạt động KH và CN năm 2022 có nhiều chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác thông tin, truyền thông KH và CN tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện

Công tác thông tin, truyền thông về KH và CN được ngành hết sức quan tâm, nhằm chuyển tải kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về KH và CN đến với người dân và toàn xã hội; thông tin đa dạng, báo viết, ấn phẩm, báo hình được triển khai theo đúng định kỳ, báo điện tử được cập nhật hằng ngày,... góp phần quan trọng, nâng cao trình độ tiếp cận tiên bộ KH và CN cho doanh nghiệp, người dân để áp dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Thông qua các ấn phẩm của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở KH và CN¹, Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, các trường

¹ Phát hành 17.520 cuốn bản tin và tờ tin, bài viết trên cổng thông tin điện tử, trong đó: Xuất bản tập san KH&CN: 4.000 cuốn; Bản tin KH&CN với nông nghiệp, nông thôn: 12.000 cuốn; Bản tin hàng rào kỹ thuật trong thương mại 1.000 cuốn; Cẩm nang tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 400 cuốn; Sổ tay hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu 50 cuốn; Cẩm nang hỏi đáp về sở hữu công nghiệp 70 cuốn và trên cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN đã chuyển tải các văn bản giới thiệu về Luật, các văn bản QPPL mới thuộc lĩnh vực quản lý, phổ biến các kiến thức mới về KH&CN, các kết quả nghiên cứu đạt hiệu quả cao trong sản xuất. Phối hợp với Đài truyền hình tỉnh kịp thời tuyên truyền các hoạt động về KH&CN trong dịp trước, trong và sau tết, xây dựng và phát 48 chuyên đề Khoa học và Đời sống. Chuyên đề Ứng dụng CNSH trong sản xuất và xử lý môi trường ở Hà Tĩnh. Phối hợp với Báo Hà Tĩnh đăng tin 11 số tuyên truyền về hoạt động KH&CN. Xây dựng chuỗi phóng sự, tin, bài, ảnh các hoạt động chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18-5 trên Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đặc

đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh và UBND dân cấp huyện,...các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, các mô hình phát huy hiệu quả,... được thông tin rộng rãi, kịp thời đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân.

Công tác truyền thông, tập huấn về KH và CN tiếp tục được đẩy mạnh như tổ chức đưa thông tin KH và CN về cơ sở²; nhiều cuộc Hội nghị, Hội thảo, tập huấn về công tác Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng³, sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp và thị trường KH&CN⁴, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo⁵, an toàn bức xạ hạt nhân, công nghệ sinh học, sản xuất nấm⁶.

2. Công tác tham mưu tư vấn

Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ KH và CN tiếp tục được hoàn thiện, ban hành kịp thời; hoàn thành 03 nhiệm vụ được giao tại Chương trình số 14/CTr-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh về triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022⁷, đặc biệt HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề về một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở KH và CN hiệu lực, hiệu quả⁸. Tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ tuân thủ theo đúng quy định⁹.

Chú trọng công tác giám sát, sơ kết, tổng kết các Nghị quyết của Đảng về phát triển KH và CN: tham mưu Tỉnh ủy Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương; Tổng kết 15

san Thông tin Tư tưởng, Công thông tin điện tử của Sở. Tuyên truyền trên hệ thống mạng xã hội Zalo, Facebook... Cập nhật thông tin hàng ngày lên Công thông tin điện tử Sở KH&CN: trên 700 tin + ảnh.

² Tổ chức Hội nghị tập huấn cho 10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vũ Quang, với gần 1000 đại biểu tham dự, kết quả được các đại biểu đánh giá cao; hàng trăm lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật xử lý môi trường nước thải, chăn nuôi, sản xuất phân ủ hữu cơ vi sinh, trồng nấm...

³ Tổ chức 02 Hội nghị tập huấn triển khai xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị thuộc diện xây dựng mới, xây dựng mở rộng năm 2022; Tổ chức 3 cuộc Hội nghị tập huấn bổ cứu và nâng cao nhận thức về xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho UBND các xã đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Can Lộc, Hương Sơn; 13 bệnh viện, 15 trường THPT công lập trên địa bàn tỉnh.

⁴ tổ chức 06 hội nghị tập huấn kiến thức về phát triển thị trường KHCN, doanh nghiệp KHCN, phát triển tài sản trí tuệ và giới thiệu chính sách hỗ trợ của tỉnh; tổ chức Hội thảo với chủ đề “Thực trạng và giải pháp cho việc bảo hộ, khai thác và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP của địa phương.

⁵ Tổ chức 04 hội nghị tập huấn về kiến thức, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

⁶ Tổ chức 02 Hội thảo giới thiệu về công nghệ thiết bị, ứng dụng enzyme trong sản xuất nấm và xử lý môi trường

⁷ (1) Tham mưu Nghị quyết về một số chính sách phát triển khoa học công nghệ đến năm 2025 và những năm tiếp theo; (2) Dự thảo Đề án Thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh; (3) Tham mưu Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ.

⁸ Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND, ngày 30/6/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo các Quyết định: số 37/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 và số 02/2019/QĐ-UBND, ngày 09/01/2019.

⁹ Tham mưu Dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định 01/2015/QĐ-UBND và Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng và Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá hiệu quả và phạm vi tác động cấp tỉnh của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về đội ngũ trí thức; Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 03/02/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Qua đó đánh giá những kết quả đạt được, nhìn nhận những mặt còn tồn tại, hạn chế và đề ra định hướng phát triển trong thời gian tiếp theo¹⁰.

3. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH và CN

Công tác quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng KH và CN có nhiều đổi mới: từ xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp; thẩm định, phê duyệt dự toán và thuyết minh; đánh giá, nghiệm thu; tổ chức giao quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu,... Các đề tài, dự án ngày càng đi vào chiều sâu, có sức lan tỏa trong xã hội. Đặc biệt từ năm 2022, 100% nhiệm vụ được thực hiện thông qua tuyển chọn, đấu thầu rộng rãi, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng. Triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ cấp Nhà nước thuộc chương trình quỹ gen, 08 dự án thuộc chương trình Nông thôn miền núi, 48 nhiệm vụ cấp tỉnh¹¹ đồng bộ trên các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học nông nghiệp, khoa học y dược, khoa học kỹ thuật và công nghệ và các mô hình nhân rộng. Theo kết quả thống kê, có trên 90% đề tài, dự án sau nghiệm thu được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống, nhiều đề tài nghiên cứu về văn hóa có giá trị thực tiễn cao, sức lan tỏa lớn; cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và ban hành các nghị quyết, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực; ứng dụng chuyển giao các quy trình công nghệ vào thực tiễn sản xuất. Tiêu biểu:

- Đề tài: “Nghiên cứu đánh giá thực trạng các loài thực vật có giá trị làm thuốc chữa bệnh tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh và các xã vùng đệm”. Kết quả đề tài đã xác định được 426 loài, 278 chi và 118 họ cây thuốc thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch và đã xây dựng được danh lục cho 426 loài thực vật có giá trị làm thuốc tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, xây dựng được 250 mẫu tiêu bản, đồng thời đã phân loại có khả năng điều trị 21 nhóm bệnh khác nhau; đề xuất được giải pháp bảo tồn tại chỗ (in-situ), bảo tồn chuyển chỗ (Ex-situ) những loài thực vật có giá trị làm thuốc thuộc nguy cấp, quý hiếm tại Vườn Quốc gia Vũ Quang.

¹⁰ Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương; Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về đội ngũ trí thức; Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 03/02/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

¹¹ Trong đó có 23 đề tài, dự án chuyển tiếp và 25 nhiệm vụ triển khai mới.

- Đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện “Yoga trị liệu Việt Nam” để phục hồi chức năng cho bệnh nhân Di chứng Tai biến mạch máu não tại Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh”: đã biên soạn và hoàn thiện video hướng dẫn phương pháp Yoga trị liệu kết hợp với phục hồi chức năng cho bệnh nhân tai biến mạch máu não. Kết quả nghiên cứu đang được ứng dụng tốt tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Hà Tĩnh và một số Bệnh viện khác trong tỉnh.

- Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin giám sát, điều khiển và tự động đóng mở tại một số cống thoát nước chính của thành phố Hà Tĩnh”: đã lập trình hệ thống, lắp đặt thiết bị, vận hành thử nghiệm và hiệu chỉnh điều khiển tự động và sản phẩm đề tài hiện đang được cơ quan quản lý tiếp nhận, đưa vào vận hành tại 2 cống thoát nước Đập Hàu, Sông Cụt (thành phố Hà Tĩnh).

- Đề tài “Nghiên cứu sự biến đổi tính chất cơ lý theo thời gian và môi trường thủy hóa nhằm định hướng sử dụng hợp lý xỉ hạt lò cao tại Hà Tĩnh”: đã đánh giá tính chất cơ - lý - hóa của xỉ hạt lò cao và các thông số kỹ thuật tại Khu liên hợp gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; đánh giá ảnh hưởng của điều kiện môi trường và thời gian lên tốc độ thủy hóa của xỉ; biên soạn tài liệu và cứ liệu khoa học phục vụ sử dụng sản phẩm xỉ hạt lò cao Formosa vào xây dựng. Kết quả đề tài là cơ sở khoa học để quản lý và sử dụng xỉ hạt lò cao tại Hà Tĩnh.

- Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã có 02 bài báo được đăng trên tạp chí Quốc tế¹²: bài báo “Strength of Granulated Blast Furnace Slag during Hydration Reaction Process (Độ bền lò nung hạt cát trong quá trình phản ứng thủy hóa)” được đăng trên tạp chí “Lecture Notes in Civil Engineering”; bài báo “Applicability of granulated blast furnace slag as a geo-material in Vietnam (Applicability của xỉ lò phun hạt là một vật liệu địa lý ở Việt Nam)” được đăng trên tạp chí “Proceedings of Conference on Advanced Researches in the Earth and Environmental Sciences - CAREES2019”. Có 01 bài báo “Thành phần hóa học tinh dầu loài Tiểu sim (*Rhodamnia dumetorum* (Poir.) Merr. & Perry) và Trâm tích lan (*Syzygium zeylanicum* (L.) DC.)” được đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Có 03 chế phẩm sinh học mới được công nhận¹³: chế phẩm HT- BIOMIC¹⁴ (Phân huỷ chất thải hữu cơ, thức ăn dư thừa. Xử lý nền đáy ao sạch, khử độc NO₂, NH₃, NH₂S, giảm lượng BOD trong nước ao nuôi. Ức chế và tiêu diệt các vi khuẩn kỵ khí gây bệnh trong ao nuôi. Tạo môi trường tốt và giữ cân bằng sinh thái cho ao nuôi. Ngăn chặn và cắt bỏ sự phát triển bùng phát của tảo lam, tảo độc trong

¹² Kết quả thực hiện Đề tài “Nghiên cứu sự biến đổi tính chất cơ lý theo thời gian và môi trường thủy hóa nhằm định hướng sử dụng hợp lý xỉ hạt lò cao tại Hà Tĩnh” do Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế chủ trì.

¹³ Kết quả nghiên cứu của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN.

¹⁴ Sản phẩm được chứng nhận Hợp quy đạt QCVN 02-32-1:2019/BNPTNT. Số: QTC.1.2438.1 ngày 12/4/2022.

ao); chế phẩm HT – BIOPLUS¹⁵ (Phân giải nhanh chất thải hữu cơ, xác bã hữu cơ trong nước thải. Không chế tạo độc. Canh tranh và tiêu diệt các vi khuẩn gây hại trong nước thải. Khử mùi hôi, giảm ô nhiễm môi trường từ nước thải); chế phẩm HT - BIOSEAPOOD¹⁶ (Giúp ổn định pH đường ruột, bảo vệ nhung mao đường ruột, kích thích tiêu hoá đối với tôm cá. Tăng số lượng hệ vi sinh đường ruột, tăng sức đề kháng. Phòng các chứng rối loạn tiêu hoá, giảm hao phí thức ăn, tăng khả năng hấp thu chất dinh dưỡng cho tôm cá. Giúp tôm cá phát triển tốt, hạn chế dịch bệnh, tăng năng suất chất lượng).

4. Công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính của Sở được tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung về cải cách thể chế, tổ chức bộ máy¹⁷, chất lượng đội ngũ cán bộ, thủ tục hành chính, tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Thực hiện điều hành, chỉ đạo trên môi trường mạng, hạn chế tối đa văn bản giấy. Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử chuyển biến rõ rệt; đẩy mạnh cung cấp và thực hiện dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4¹⁸. Công tác cải cách hành chính của Sở KH và CN luôn được tỉnh đánh giá cao, chỉ số cải cách hành chính luôn đứng top đầu của tỉnh¹⁹. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, ban hành Quy chế làm việc của Sở KH và CN²⁰.

Sắp xếp bộ máy tổ chức tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, giảm 1 phòng thuộc Sở và 3 phòng trực thuộc đơn vị cấp 2; Điều động, bổ nhiệm 03 trưởng phòng; 01 phó trưởng phòng; chuyển đổi vị trí công tác 06 chuyên viên.

Thực hiện tốt chức năng là cơ quan thường trực về ISO hành chính của tỉnh: đến nay, toàn tỉnh đã có 300 cơ quan công bố áp dụng HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001; 100% thủ tục hành chính (TTHC) được xây dựng quy trình xử lý công việc theo mô hình khung, đã xây dựng và công bố mới, bổ sung sửa đổi trên 2.300 TTHC và Quy trình nội bộ giải quyết TTHC từ cấp tỉnh, huyện đến cấp xã.

5. Công tác quản lý Nhà nước về KH và CN từng bước đi vào nề nếp, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh

5.1. Công tác quản lý công nghệ được tăng cường, tham gia thẩm tra công nghệ, góp ý về mặt công nghệ, cơ sở khoa học cho 58 dự án trên địa bàn tỉnh;

¹⁵ Sản phẩm được chứng nhận Hợp quy đạt QCVN 02-32-1:2019/BNPTNT. Số: QTC.1.2438.1 ngày 12/4/2022.

¹⁶ Sản phẩm được chứng nhận Hợp quy đạt QCVN 02-31-2:2019/BNPTNT. Số: QTC.1.2438.2 ngày 12/4/2022

¹⁷ Sắp xếp bộ máy theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND; Phân công nhiệm vụ cho Lãnh đạo Sở; Ban hành chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn và các đơn vị.

¹⁸ Gần 100% TTHC có phát sinh hồ sơ trong 3 năm gần nhất được cung cấp mức độ 3, mức độ 4; 100% hồ sơ được trả đúng quy định, trong đó trên 30% trả trước hạn.

¹⁹ Năm 2020 chỉ số CCHC xếp thứ 2, năm 2021 xếp thứ 3 toàn tỉnh, năm 2022 được tỉnh thẩm định đánh giá cao

²⁰ Quyết định số 1912/QĐ-SKHCN ngày 19/11/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Hướng dẫn hồ sơ: đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, đề nghị chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho 02 doanh nghiệp.

5.2. Phát triển tài sản trí tuệ, thị trường KHCN và doanh nghiệp KHCN: gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết số 252/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh,; hướng dẫn 235 tổ chức, cá nhân về trình tự, thủ tục xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp. Đã hoàn thành việc tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề truyền thống: nhãn hiệu tập thể rau củ quả Tượng Sơn và nhãn hiệu chứng nhận Mật ong Hương Sơn; Đã tham mưu triển khai các dự án tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu cộng đồng cho các sản phẩm: 02 chỉ dẫn địa lý (hành tằm "Thiên Lộc"; mai vàng bản địa "Kỳ Nam"), 04 nhãn hiệu chứng nhận (Gạo rươi Đức Thọ; bánh đa nem Hà Tĩnh, Gạo Kỳ Anh và Dê Hương Sơn).

5.3. Hướng dẫn 25 cơ sở y tế có sử dụng thiết bị X-quang trong chẩn đoán y tế xây dựng hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hợp nhất giấy phép sử dụng thiết bị X-quang. Xác nhận khai báo thiết bị X-quang cho 08 cơ sở y tế; Thẩm định và cấp mới giấy phép sử dụng thiết bị X-quang cho 10 cơ sở y tế; Thẩm định và gia hạn giấy phép sử dụng thiết bị X-quang cho 06 cơ sở y tế; Tiếp nhận hồ sơ, tiến hành sửa đổi (bổ sung) giấy phép cho 04 cơ sở y tế; Tiếp nhận hồ sơ, tiến hành sửa đổi (hợp nhất) giấy phép cho 04 cơ sở y tế; Thẩm định cấp chứng chỉ nhân viên phụ trách an toàn bức xạ cho 15 người phụ trách an toàn tại 15 cơ sở y tế.

5.4. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo: Triển khai Cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh năm 2022 với 25 hồ sơ dự án đăng ký tham dự, lựa chọn 10 dự án xuất sắc vào Vòng Chung kết; qua đó tìm kiếm, lựa chọn được các dự án khởi nghiệp sáng tạo có khả thi, tiềm năng để trao thưởng và ươm tạo, hỗ trợ phát triển.

5.5. Hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Thông báo tiếp nhận 133 hồ sơ công bố hợp chuẩn; cấp đăng ký kiểm tra nhà nước chất lượng hàng hóa nhập khẩu cho 41 lô hàng; xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về kệ cu đờ Hà Tĩnh; Thường xuyên theo dõi giám sát đôn đốc các tổ chức kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo thực hiện các quy định pháp luật; Năm 2022, có 300 cơ quan, đơn vị thuộc diện duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015. Xây dựng mới HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho 66 đơn vị; Cho ý kiến thẩm định đối với 30 dự thảo Danh mục và Quy trình nội bộ với 314 TTHC được ban hành mới, sửa đổi bổ sung, 19 TTHC bị bãi bỏ.

Hỗ trợ 47 cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong đó có: 42 cơ sở xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9001:2015, GMP, HACCP,

ISO 22000:2018); 31 cơ sở có 50 sản phẩm được chứng nhận và công bố phù hợp tiêu chuẩn quốc gia; 10 cơ sở có 12 sản phẩm được chứng nhận và công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Tổ chức 05 cuộc tập huấn về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Xây dựng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh.

5.6. Công tác thanh tra, kiểm tra

Đã chủ trì, phối hợp triển khai 07 cuộc thanh tra, kiểm tra, khảo sát và xác minh tại gần 120 tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa, nhãn hàng hóa và an toàn bức xạ hạt nhân trong y tế, khám chữa bệnh. Qua thanh tra đã phát hiện 15 tổ chức, cá nhân vi phạm và đã xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 265.803.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm linh ba ngàn đồng); phối hợp thanh tra và đã tham mưu xử lý vi phạm hành chính cùng Sở Công thương Hà Tĩnh đối với vi phạm trong hoạt động kinh doanh xăng dầu tại Công ty TNHH xăng dầu Thảo Thắng với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) về hành vi lấy xăng dầu ngoài hệ thống và truy thu lợi bất chính 78.745.148 đ (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi tám đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Về thực thi quyền sở hữu công nghiệp, đã tham gia đoàn thanh tra về sở hữu công nghiệp cùng Thanh tra Bộ KH&CN tiến hành thanh tra, kiểm tra, xác minh tại Công ty cổ phần bia Hà Nội Nghệ Tĩnh; xử lý dứt điểm 02 đơn thư đề nghị xử lý vi phạm hành chính về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ về hành vi vi phạm quyền sáng chế đối với sáng chế “Trạm biến áp một cột” và hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với của Nhà hàng Sasin - Mỳ cay 7 cấp độ Hàn Quốc.

6. Công tác quản lý Nhà nước về KH và CN cấp huyện

Thực hiện Thông tư số 01/2021/TT-BKH&CN ngày 01/3/2021 của Bộ Trưởng Bộ KH và CN về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở KH và CN đã ban hành Văn bản số 1238/SKH&CN-VP ngày 11/8/2022 của Sở KH và CN về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện về lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Các huyện, thành phố, thị xã đã phân công 01 Lãnh đạo UBND cấp huyện phụ trách và 01 cán bộ quản lý hoạt động KH và CN trên địa bàn²¹; thành lập Hội đồng KH và CN và Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở để thực hiện nhiệm vụ tư vấn việc xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển KH và CN trên địa bàn, đặc biệt là việc ứng dụng các tiến bộ KH và CN vào sản xuất. Đánh giá và công nhận các sáng kiến cấp cơ sở; lựa chọn những giải pháp có tính mới, tính hiệu quả và có khả năng áp dụng đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét, công nhận sáng kiến cấp tỉnh. Tập trung phổ biến tuyên truyền các chủ trương của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước về KH và CN; phối hợp với Sở KH và CN tăng cường công tác quản lý Nhà nước về KH và CN trên địa bàn.

Ứng dụng, chuyển giao nhiều tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất có nhiều kết quả tốt, như: mô hình Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học, phân vi sinh cải tạo chất lượng đất trong sản xuất lúa theo hướng hữu cơ theo nguồn hỗ trợ đất trồng lúa tại Cẩm Xuyên. Mô hình sản xuất lúa - rươi tại thôn vùng Đồng Láng, thôn Đậu Giang, xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh theo quy trình hữu cơ đã cho hiệu quả khá cao cả về kinh tế và môi trường, đã làm thay đổi nhận thức, tư duy về sản xuất nông nghiệp của người nông dân. Kết quả diện tích lúa sản xuất theo quy trình hữu cơ đã mở rộng từ 5 ha/8 hộ trong vụ Xuân lên 17 ha/80 hộ trong vụ Hè Thu. Mô hình dự án Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình phát triển cây mai vàng tại thị xã Kỳ Anh theo hướng sản xuất hàng hóa tại xã Kỳ Nam, mô hình trồng khảo nghiệm giống lúa mới LTH31 tại xã Kỳ Hoa bước đầu lúa sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao và đánh giá có tiềm năng và nhân rộng trên địa bàn. Mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, sản xuất giống lúa mới VNR20 và nuôi cá rô đồng theo hình thức xen canh cá - lúa tại xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà, kết quả: Hoàn thành sản xuất 02 vụ lúa (Xuân và Hè thu) với năng suất trung bình 2,5 tạ/sào. Các loại cá đang phát triển tốt, sau hơn 2 tháng thả giống, cá đạt size 15 con/kg (lúc thả giống size 180-200 con/kg). Thị xã Hồng Lĩnh triển khai các mô hình: “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhân rộng mô hình nuôi lươn không bùn”, với quy mô diện tích 175m² (25 bể 7m²), lượng giống lươn thả nuôi 52.500 con; sản xuất vi sinh IMO để xử lý nước thải, rác thải hộ gia đình; Ze bu hóa đàn bò, kết quả tăng tỷ lệ bò Ze bu lên hơn 75% tổng đàn.

7. Hợp tác phát triển KH và CN

Trong khuôn khổ Dự án Hợp tác Quốc tế theo Nghị định thư "Hợp tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu và nuôi Hươu tại tỉnh Bolykhămxay, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào": tổ chức 05 đoàn ra công tác tại tỉnh Bolykhămxay để hoàn thiện các quy trình kỹ thuật

²¹ thuộc biên chế phòng Kinh tế – Hạ tầng (hoặc phòng Kinh tế)

phục vụ sản xuất nấm và chăn nuôi hươu, bàn giao thiết bị, máy móc sản xuất nấm; tiếp đón và làm việc với Sở Công nghệ và Truyền thông tỉnh Bolykhămxay. Đây là dịp để thắt chặt thêm tình hữu nghị và đoàn kết gắn bó giữa hai Sở KH và CN Hà Tĩnh và Sở Công nghệ và Truyền thông Bolykhamxay nhân kỷ niệm 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 45 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam – Lào.

Hợp tác với các Viện nghiên cứu, trường Đại học, các tổ chức trong nước thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu có tính ứng dụng thực tiễn, phù hợp điều kiện khí hậu, thời tiết tại Hà Tĩnh. Điển hình các nhiệm vụ như: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật phát triển vùng nuôi rươi kết hợp trồng lúa theo hướng hữu cơ tại thị xã Hồng Lĩnh do Trung tâm Thực nghiệm Sinh học Nông nghiệp Công nghệ cao thuộc Viện Di truyền thực hiện; Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật làm giảm số lượng hạt/quả và hiện tượng khô tép trên bưởi Phúc Trạch tại huyện Hương Khê do Viện Nghiên cứu Rau quả thực hiện; Nghiên cứu xây dựng kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) tỉnh Hà Tĩnh dựa trên nền tảng KHCN và đổi mới sáng tạo; Nghiên cứu, khôi phục các giá trị di sản văn hóa vùng ven biển Hà Tĩnh, nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch biển đảo; Nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh...

Phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội (Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân tỉnh, Văn phòng nông thôn mới tỉnh) triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH và CN, như: tham gia Hội đồng KH và CN tỉnh, Hội đồng KH và CN chuyên ngành xác định, tuyển chọn, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các nhiệm vụ KH và CN. Phối hợp tổ chức và tham gia các hội nghị chuyên đề về phổ biến kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ, đăng ký mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,...; tuyên truyền, phổ biến các mô hình, các gương điển hình tiên tiến trong hoạt động đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các tiến bộ KH và CN vào thực tiễn sản xuất; thanh tra, kiểm tra về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, thiết bị X-quang,...

8. Hoạt động các đơn vị sự nghiệp KH và CN công lập

Hiện nay cả 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở KH và CN hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự trang trải 100% kinh phí chi thường xuyên theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP. Thông qua quá trình tự chủ đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tổ chức, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập, tạo động lực phát huy tính năng động sáng tạo của cán bộ và người lao động, gắn quyền lợi với trách nhiệm, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động cung cấp dịch vụ KH và CN phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

8.1. Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ: Làm chủ công nghệ ứng dụng năng lượng mặt trời kết hợp náo đảo tự động và hệ thống ổn nhiệt

trong sản xuất nước mắm giúp giảm 50% thời gian chế biến, giảm 90% công náo đảo giang phơi, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm²², công nghệ đã được chuyển giao áp dụng cho nhiều cơ sở trong và ngoài tỉnh; công nghệ nuôi cấy mô tế bào sản xuất đông trùng hạ thảo; nuôi cấy mô vi ghép sản xuất cam sạch bệnh; một số loài lan quý và nhiều giống cây trồng khác được nghiên cứu, ứng dụng vào sản xuất. Đặc biệt, Trung tâm đã làm chủ công nghệ sản xuất từ khâu phân lập giống gốc đến sản xuất chế phẩm và đã sản xuất thành công 10 loại chế phẩm sinh học trong xử lý môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thực vật và sản xuất phân bón,... trong đó có 5 chế phẩm được Tổng cục Môi trường và Tổng cục Thủy sản cấp phép lưu hành. Cung ứng ra thị trường 150.000 gói (0,2kg/gói, tương đương 30 tấn chế phẩm) giúp người dân tái sử dụng phụ phẩm trồng trọt, chất thải chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, rác thải sinh hoạt để sản xuất được 75.000 tấn phân hữu cơ.

8.2. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Từng bước được đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực hoạt động mở rộng các loại hình dịch vụ kỹ thuật, nhất là các lĩnh vực hoạt động như kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, kiểm tra các thiết bị X-quang chẩn đoán trong Y tế, hiệu chuẩn lực, Nhiệt, bảo dưỡng thiết bị đo lường; đủ năng lực kiểm định được trên 90% các phương tiện đo nhóm 2 trên địa bàn, thử nghiệm trên 90 chỉ tiêu cơ lý về vật liệu xây dựng. Ngoài việc phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về kiểm tra, thanh tra đo lường, chất lượng, đã kiểm định được trên 10.000 phương tiện đo nhóm hai, 150 thiết bị an toàn lao động; thử nghiệm trên 1.000 mẫu, giám định trên 200 phương tiện đo phục vụ giải quyết kiến nghị, khiếu nại của người dân.

8.3. Trung tâm nghiên cứu phát triển nấm và tài nguyên sinh vật: làm chủ quy trình công nghệ từ phân lập đến sản xuất giống đối với 10 loại nấm²³. Trong năm Trung tâm đã sản xuất gần 200.000 bịch phôi nấm các loại và hơn 15 tấn giống nấm phục vụ trên 70% nhu cầu sản xuất nấm trong tỉnh; ngoài ra cung ứng giống cho các mô hình sản xuất nấm ở các tỉnh Nghệ An; Quảng Bình và Vũng Tàu. Ngoài sản xuất loại giống nấm bịch phôi nấm, hiện nay Trung tâm đã sản xuất, chế biến thành công một số sản phẩm khác như Trà túi lọc Linh chi, Trà túi lọc Hoàng chi, Trà túi lọc Vân chi và Trà túi lọc Cà gai leo. Sản phẩm đã được người dân trong cả nước biết đến và tin dùng.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Năng lực KH và CN của tỉnh, đặc biệt là các tổ chức KH và CN nhìn chung còn yếu, thị trường KH và CN phát triển chậm. Năng lực hấp thụ công

²² Năm 2020, được Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ độc quyền giải pháp sáng chế hữu ích, đã được chuyển giao áp dụng cho nhiều cơ sở sản xuất nước mắm trong và ngoài tỉnh.

²³ đông trùng hạ thảo, linh chi, bào ngư, mộc nhĩ, hoàng kim, hoàng đế, kim châm, đùi gà, mỡ, rom.

nghe, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp còn thấp, hầu hết chưa trích lập Quỹ phát triển KH và CN theo quy định.

2. Việc tham mưu đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH và CN hàng năm ở các ngành, địa phương còn ít, chất lượng chưa cao; việc triển khai chính sách KH và CN ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức; việc tổ chức, chỉ đạo nhân rộng mô hình sau khi tiếp nhận kết quả nghiên cứu tại các đơn vị, địa phương còn hạn chế, sức lan tỏa chưa cao; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH và CN chưa đều khắp trên các lĩnh vực, còn thiếu những định hướng lớn, mang tính liên ngành, liên vùng.

3. Phong trào thi đua, áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tuy có chuyên biến nhưng chưa sôi nổi, chưa trở thành nhu cầu thường xuyên và động lực phát triển.

4. Ngân sách nhà nước đầu tư cho KH và CN còn thấp (năm 2022 mới đạt 0,26% so với tổng chi ngân sách của tỉnh, theo các quy định là 2%).

5. Hoạt động các đơn vị sự nghiệp sau chuyển đổi tự chủ vẫn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc tìm kiếm, mở rộng thị trường phát triển sản phẩm khoa học, công nghệ; mặc dù đã được đầu tư tăng cường cơ sở vật chất tuy nhiên vẫn còn thiếu một số trang thiết bị, đặc biệt là các lĩnh vực mới.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về KH và CN đến tận cơ sở, tận doanh nghiệp và tận người dân. Chú trọng công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết và đề ra nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng, phát triển KH và CN phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị trong từng giai đoạn. Quan tâm động viên, khen thưởng, tôn vinh các tập thể, cá nhân có nhiều phát minh, đổi mới sáng tạo, các đơn vị có nhiều thành tích trong việc ứng dụng KH và CN vào sản xuất và đời sống.

2. Căn cứ chủ trương của Trung ương và tỉnh về những giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tập trung chỉ đạo sớm cụ thể hoá thành chương trình công tác và kế hoạch thực hiện. Trong đó, xác định công việc cụ thể, phân công chủ trì thực hiện, xác định thời gian hoàn thành và thời điểm báo cáo kết quả thực hiện, nhất là chỉ đạo thực hiện tốt các Đề án, Dự án, chính sách,... theo tinh thần “rõ người, rõ việc, rõ thời gian”.

2. Thực hiện tốt chế độ công khai, minh bạch trong thực thi công vụ; tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác; cải tiến chất lượng các cuộc họp, hội nghị; đổi mới phương thức, lề lối làm việc; tiếp tục rà soát, tổ chức thực hiện tốt đề án vị trí việc làm trong cơ quan

hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để bố trí nhân sự hợp lý, hiệu quả; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đạo đức tốt và chuyên nghiệp trong công tác; ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công việc; thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của Sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về KH và CN theo phân cấp, thẩm quyền được giao, nghiên cứu và ứng dụng các đề tài dự án thuộc lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên, phát triển tài sản trí tuệ sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc sản, quản lý phương tiện đo nhóm 2 và thiết bị chụp X-Quang... Tăng cường quản lý Nhà nước về công nghệ, thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thực hiện tốt công tác kiểm soát sau thanh tra.

4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong hoạt động KH và CN của tỉnh, nhất là đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính trong thực hiện các nhiệm vụ KH và CN; đồng thời chú trọng hoạt động quản lý khoa học, đảm bảo hoạt động nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng KH và CN hiệu quả, thiết thực, mang lại giá trị thực tiễn.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống. Xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phải có tính liên thông, liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ, sản phẩm phải có sức cạnh tranh trên thị trường. Ưu tiên đầu tư các nhiệm vụ có tính ứng dụng cao vào sản xuất, kinh doanh. Lồng ghép các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng vào Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Chủ động tham gia các Chương trình KH và CN cấp Nhà nước và cấp Bộ KH và CN để huy động thêm nguồn lực (vốn và công nghệ) phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

6. Thúc đẩy phát triển thị trường KH/CN, doanh nghiệp KH/CN

Triển khai có hiệu quả các chính sách phát triển KH và CN đã được HĐND tỉnh thông qua nhằm tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động các lĩnh vực về sở hữu trí tuệ; công nghệ sinh học; thị trường và doanh nghiệp KH và CN; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật.

7. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác về KH và CN

- Mở rộng, nâng tầm hợp tác với các tổ chức KH và CN trong nước. Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết, hợp đồng chuyển giao giữa các tổ chức KH và CN, các trường đại học, cao đẳng với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật. Khuyến khích hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, trường đại học, cá nhân trong tỉnh với các đối tác nước ngoài. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế, gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác về kinh tế.

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung triển khai thực hiện các chương trình, đề án, chính sách đã được phê duyệt trong lĩnh vực KH và CN; huy động nguồn lực (vốn và công nghệ) từ Trung ương, doanh nghiệp để tăng cường năng lực KH và CN cho tỉnh.

8. Đối với các đơn vị sự nghiệp, tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy đảm bảo năng động, sáng tạo; tìm kiếm, mở rộng thị trường; nắm bắt các bí quyết công nghệ; mở rộng hoạt động dịch vụ.

9. Đẩy mạnh phong trào thi đua, lao động, đổi mới sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất trong các cơ quan, cộng đồng, doanh nghiệp và các địa phương; thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát huy ý chí, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của người Hà Tĩnh.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

THAM LUẬN HỘI NGHỊ

NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH, GIÁ TRỊ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA THÔNG QUA PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Bùi Quang Hoàn
Giám đốc Sở KH&CN Hà Tĩnh

Thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị sản phẩm, hàng hóa, góp phần nâng cao quy mô, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế là một trong những nội dung quan trọng được đề cập trong Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX và nhiều văn kiện của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Tài sản trí tuệ là tài sản vô hình, không xác định được bởi đặc điểm vật chất, nhưng có giá trị lớn, khả năng sinh lời cao; tài sản trí tuệ gồm các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ý tưởng; chương trình biểu diễn, bản ghi âm, chương trình phát sóng; sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, tên thương mại; bí quyết kinh doanh, công thức pha chế; giống cây trồng mới, phần mềm máy tính...; quyền sở hữu tài sản trí tuệ được phát sinh theo 2 phương thức: Tự phát sinh quyền khi được tạo ra, bao gồm quyền tác giả, tên thương mại... và sau khi đăng ký bảo hộ với cơ quan quản lý như Chỉ dẫn địa lý, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu...

Trong môi trường toàn cầu hóa, bên cạnh nhiều doanh nghiệp, tổ chức cá nhân có nhận thức đầy đủ, tập trung xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ và trở thành những thương hiệu lớn, có uy tín và giá trị thương mại cao, thì bên cạnh đó nhiều doanh nghiệp chậm đăng ký hoặc không đăng ký bảo hộ quyền ở trong nước và ngoài nước, như Cà phê Trung Nguyên khởi đầu trên đất Mỹ bằng việc liên kết với một doanh nghiệp Mỹ, nhưng do chưa đăng ký bảo hộ nên bị chính công ty đó đăng ký bảo hộ và mất quyền, ngay sau đó Trung Nguyên đăng ký bảo hộ tại 60 quốc gia, vùng lãnh thổ; nước mắm Phú Quốc bị mất quyền tại Mỹ, Thái Lan, TQ và Úc; thuốc lá Vinataba tại Indonesia và Malaysia; vông xệp Duy Lợi tại Mỹ; Phở Thìn đang chật vật đòi lại thương hiệu tại Úc; thời gian gần đây, trên địa bàn tỉnh ta đã xảy ra tranh chấp Nhãn hiệu Cu đơ, Mì cay Sasin, Băng sáng chế máy biến áp, kiểu dáng công nghiệp Ke chống bão Định Nhân...; việc các doanh nghiệp chậm hoặc chưa đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước hoặc nước ngoài sẽ có nguy cơ mất thương hiệu nổi tiếng, mất thị phần đã khẳng định trên thị trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, kinh doanh, thậm chí đổ vỡ, phá sản....

Tỉnh ta sớm nhận thức tầm quan trọng trong lĩnh vực này nên các chủ trương, chính sách phát triển tài sản trí tuệ được Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành, như Nghị quyết 09 của Tỉnh ủy, các Nghị quyết chuyên đề của HĐND tỉnh, Chương trình hành động của UBND tỉnh đều đưa các mục tiêu, nhiệm vụ rất cụ thể, đi vào cuộc sống và đạt nhiều kết quả, trong đó có các nội dung nổi bật:

Hỗ trợ thiết kế, đăng ký nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, đến tháng 06/2022, toàn tỉnh có 2.640 đối tượng sở hữu công nghiệp được đăng ký bảo hộ, tăng 2.386 đối tượng, hơn 10 lần so với năm 2012, trong đó sáng chế/giải pháp hữu ích: 22; kiểu dáng công nghiệp: 13; nhãn hiệu: 2.605. Nhờ có nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp nên thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp được bảo hộ, phát triển; uy tín, chất lượng sản phẩm, dịch vụ từng bước nâng cao; sức cạnh tranh, thị trường, doanh thu phát triển; các sản phẩm chủ lực của tỉnh được chuẩn hóa về mẫu mã, truy xuất nguồn gốc, đăng ký chất lượng,... có nhiều sản phẩm tham gia Chương trình OCOP. Điển hình như: Tân Thanh Phong- Giống cây trồng và hoa quả; Bảo Toàn: Thiết kế, kinh doanh Nội thất; Việt Hải với sản phẩm bê tông tươi và cấu kiện bê tông; KC với gạo Ngọc Mầm; Cu đơ Phong Nga; các sản phẩm của Công ty Dược Hà Tĩnh....

Tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực tỉnh, đến nay có 15 sản phẩm được đăng ký bảo hộ thương hiệu, tăng 05 lần so với năm 2012; sau khi được thiết lập quyền sở hữu trí tuệ, giá trị thương hiệu và giá trị của sản phẩm tăng từ 15-25%, thị trường tiêu thụ được phát triển, điển hình là các sản phẩm Bưởi Phúc Trạch, Nhung hươu Hương Sơn, Cam Thượng Lộ, Cam Vũ Quang, Keo Cudơ Hà Tĩnh, Nước mắm Kỳ Ninh.... Trong đó, có 02 sản phẩm chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, đặc biệt, chỉ dẫn địa lý Quả Bưởi Phúc Trạch là 1/39 sản phẩm được Liên minh Châu Âu bảo hộ theo Hiệp định Thương mại tự do EVFTA (EU và VN) qua đó góp phần phát triển danh tiếng, thương hiệu và tiềm năng xuất khẩu của sản phẩm.

Hỗ trợ ứng dụng và khai thác thông tin các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, sáng kiến, sáng chế, giải pháp hữu ích được chú trọng thực hiện, góp phần thúc đẩy hoạt động phát triển thị trường KH&CN và thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh, như: chuyên giao khai thác, thương mại hóa Giải pháp hữu ích sản xuất nước mắm bằng năng lượng mặt trời; sản xuất mương bê tông parabol thành mỏng; sản xuất gạch không nung và công nghệ sản xuất ống bê tông với robot hàn khung thép tự động; sản xuất gạch lồi xóp G-VRO,...

Bên cạnh những kết quả đạt được rất khả quan, thì vẫn còn một số tồn tại hạn chế cần phải tập trung khắc phục, đó là: (1) Nhận thức, kiến thức về sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân mới ở mức sơ lược; nguồn nhân lực có kiến thức về sở hữu trí tuệ của tỉnh rất ít, đặc biệt là ở cơ sở và khối doanh nghiệp; phối hợp của các tổ chức, cá nhân chưa nhuần nhuyễn, nên còn nhiều hạn chế trong phát triển, khai thác, bảo hộ tài sản trí tuệ. (2) Một số đơn vị, cá nhân nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, giá trị thương mại của vùng có chỉ dẫn địa lý, sử dụng, quản lý tem, nhãn thiếu chặt chẽ, lúng túng, bị động trong cấp quyền sử dụng. Cách hiểu và áp dụng các dấu hiệu truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm chưa thống nhất, tình trạng trên một đơn vị sản phẩm phải dán 2-3 loại tem (tem CDĐL, tem truy xuất VietGAP và tem OCOP) nên khó khăn trong thực hiện; cơ sở dữ liệu để truy xuất nguồn gốc sản phẩm còn thiếu thông tin, mới chỉ truy xuất đến cơ sở, chưa truy xuất đến lô sản xuất, đối tượng cho sản phẩm. Sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGAP còn ít. Áp dụng quy trình sản xuất, chưa tuân thủ đầy đủ kỹ thuật, dẫn

đến chất lượng không đồng đều, mẫu mã sản phẩm chưa hợp thị hiếu. (3) Phát triển tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đang tập trung nhiều ở đối tượng nhãn hiệu; việc tạo ra các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp còn rất ít. Công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ, xúc tiến phát triển, bảo vệ tài sản trí tuệ ở một số ngành, địa phương chưa thực sự chú trọng.

Để tiếp tục phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao giá trị, sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa, từng bước xây dựng các sản phẩm có thương hiệu quốc gia, quốc tế, trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ các nội dung, giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng về sở hữu trí tuệ; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển tạo ra các sáng chế/giải pháp hữu ích và kiểu dáng công nghiệp,... Chú trọng công tác hỗ trợ đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp trong nước và hướng tới đăng ký ở nước ngoài. Đối với các tổ chức có sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, cần tăng cường huấn luyện về kiến thức quản trị; phát triển thương hiệu, thị trường; thống nhất sử dụng tem đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp, tích hợp mã QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm, các loại tem khác như VietGAP, GlobalGAP, OCOP... do các tổ chức khác công nhận thì tích hợp chung trong mã QR. Tùy tình hình thực tế của từng loại sản phẩm, tổ chức quản lý cần có giải pháp linh hoạt trong việc cấp quyền sử dụng, chủ động làm tốt công tác tiền kiểm, tích cực hậu kiểm nhằm kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, chất lượng sản phẩm.

Thứ hai: Tiếp tục hỗ trợ, xúc tiến phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc sản, làng nghề truyền thống dưới hình thức chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, tập thể, đây là hướng đi chủ yếu mà Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Ấn Độ ... chú trọng áp dụng và được quy định trong Hiệp định TRIPs áp dụng trên toàn thế giới. Có chỉ dẫn địa lý được các nước công nhận, sản phẩm nông nghiệp có "hộ chiếu" tiếp cận thị trường quốc tế, được 188 quốc gia, vùng lãnh thổ bảo hộ.

Đẩy mạnh việc hỗ trợ, xúc tiến xây dựng các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh áp dụng quy trình sản xuất thực hành VietGAP, GlobalGAP để quản lý và sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế. Nâng cao giá trị sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn lao động, sức khỏe người lao động, thực hiện truy xuất nguồn gốc đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, lô sản xuất và đối tượng cho sản phẩm. Sau khi được công nhận, các chủ cơ sở sản xuất cần tăng cường quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Thứ ba: Các cơ sở, doanh nghiệp cần thực hiện nghiêm túc về quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm; nâng cao nhận thức về hoạt động sản xuất kinh doanh, đăng ký cấp quyền sử dụng thương hiệu; tổng hợp, ghi chép đầy đủ các số liệu về sản phẩm, quy trình sản xuất, nguyên liệu đầu vào,... và thực hiện số hóa các dữ liệu trên lên hệ thống để minh bạch các thông tin đến với người tiêu dùng. Tích cực tham gia vào chuỗi phân phối, tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành các kênh tiêu thụ ổn định, cam kết và chịu trách nhiệm với khách hàng về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm.

Thứ tư: Tăng cường quản lý nhà nước thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm được bảo hộ, đảm bảo môi trường sản xuất, kinh doanh lành mạnh. Cần tiếp tục tăng cường thanh tra, kiểm tra phòng, chống các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn việc lợi dụng danh tiếng, uy tín, chất lượng của các sản phẩm đã được bảo hộ, sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, OCOP để trục lợi, ảnh hưởng thương hiệu sản phẩm chính gốc và niềm tin của người tiêu dùng.

Phát triển tài sản trí tuệ là nội dung quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh, giá trị sản phẩm, hàng hóa trong thời kỳ hội nhập, có ý nghĩa trước mắt và lâu dài, vì vậy cần sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành, nhất là sự nỗ lực của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất, kinh doanh./.

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH, TĂNG CƯỜNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC QUÂN SỰ TRONG HUẤN LUYỆN, SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU

Bộ CHQS tỉnh Hà Tĩnh

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc lên mọi lĩnh vực, đời sống, kinh tế và xã hội, trong đó có hoạt động quân sự, quốc phòng. Đối với lực lượng vũ trang (LLVT) tỉnh Hà Tĩnh nói riêng, việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào hoạt động thực tiễn có vai trò rất lớn giúp cho cấp ủy, người chỉ huy và cán bộ, chiến sĩ các đơn vị hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới.

Trước sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ (KH&CN) trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng tạo ra những hệ thống vũ khí, trang bị kỹ thuật (VKT&KT) thế hệ mới với tính năng vượt trội; các loại mô hình học cụ phong phú, sinh động sát với thực tiễn thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu... và ứng dụng nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và đời sống cán bộ, chiến sĩ trong LLVT tỉnh là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp của Quân đội; xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại..."

Trước thực trạng của việc ứng dụng khoa học quân sự trong LLVT tỉnh còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc, nguồn nhân lực phục vụ cho nghiên cứu khoa học quân sự (KHQS) còn thiếu nhiều mặt, chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu nhiệm vụ. Công tác bảo đảm đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào lĩnh vực quân sự cũng như phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu còn hạn hẹp; cơ chế hợp tác với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội về lĩnh vực nghiên cứu khoa học còn thiếu chặt chẽ, sâu rộng, hiệu quả chưa cao...

Quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng về công tác KH&CN theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành TW Đảng (Khóa XI) về Phát triển KH&CN phục vụ CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 791-NQ/QUTW ngày 30/12/2012 của Quân ủy Trung ương về Lãnh đạo công tác KH&CN trong quân đội đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, đặc điểm tình hình và yêu cầu nhiệm vụ đòi hỏi việc ứng dụng khoa học quân sự, thành tựu của Cách mạng 4.0 vào nâng cao hiệu quả hoạt động Quân sự địa phương. Theo đó, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo, chỉ đạo, tích cực triển khai thực hiện, bước đầu đã đạt được những kết quả toàn diện trên tất cả các mặt công tác. Nhận thức của cấp chỉ huy và cán bộ các cấp về nhiệm vụ ứng dụng KH&CN, KHQS trong hoạt động quân sự quốc phòng (QSQP) ngày càng được nâng cao. Các đề tài khoa học, sáng tạo kỹ thuật, cải tiến mô hình học cụ, số lượng, chất

lượng từng bước được nâng lên, có tính đột phá và được ứng dụng khá hiệu quả vào hoạt động thực tiễn của LLVT, mang lại hiệu quả trong hoạt động QSQP, hiệu quả kinh tế cao, an toàn, tiết kiệm, giảm bớt sức lao động của cán bộ, chiến sỹ, góp phần hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ ở các cơ quan, đơn vị trong LLVT tỉnh.

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan, đơn vị tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật (KHKT) vào trong quá trình giáo dục chính trị, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh cho các đối tượng. Tiếp tục triển khai ứng dụng có hiệu quả kết quả các đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào quản lý, huấn luyện bắn đạn thật, bắn đêm, bắn mục tiêu trên biển, trên không và các bài bắn thực binh trong diễn tập khu vực phòng thủ (KVPT) cấp huyện. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải tiến trang bị kỹ thuật hiện có theo Nghị quyết số 382-NQ/QUTW ngày 29/11/2007 của Quân ủy Trung ương về công tác kỹ thuật trong tình hình mới, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã cải tiến thay thế động cơ xăng sang động cơ diesel, hệ thống lái cơ khí sang hệ thống lái trợ lực dầu, hệ thống điện 12v sang 24v cho 7 xe Thiết giáp BTR - 152 hoạt động hiệu quả, tiết kiệm; ứng dụng kỹ thuật mới trong bảo quản, khai thác làm chủ vũ khí trang bị, đạn dược theo hướng tăng hạn sử dụng, bảo đảm an toàn, tiết kiệm. Hàng năm tổ chức “Hội thi phát huy sáng kiến, cải tiến mô hình học cụ” trong LLVT toàn tỉnh chặt chẽ, nghiêm túc, tạo sức lan tỏa rộng, thu hút được nhiều thành phần trong và ngoài quân đội tham gia. Năm 2022, các cơ quan, đơn vị đã nghiên cứu làm mới hơn 110 sáng kiến cải tiến kỹ thuật; sơn sửa 15.537 mô hình, học cụ, bia bảng... phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống bão lụt, tìm kiếm, cứu hộ... phòng chống dịch bệnh.

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh nghiên cứu các giải pháp cụ thể hóa cơ chế lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng, xây dựng các tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “*mẫu mực, tiêu biểu*”; lực lượng dân quân tự vệ (DQTV), dự bị động viên (DBĐV) đủ số lượng, bảo đảm chất lượng. Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống, các sản phẩm công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp cơ sở khoa học để đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận chống “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ, “phi chính trị hóa” quân đội; chống suy thoái về “tư tưởng chính trị”, “đạo đức lối sống”, đề ra các giải pháp nâng cao nhân tố chính trị, tinh thần cho LLVT; xây dựng thế trận lòng dân, giữ vững ổn định địa bàn trong tình hình mới; nâng cao năng lực hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị cho đội ngũ cán bộ các cấp bảo đảm 100% cán bộ, chiến sỹ LLVT tỉnh luôn là lực lượng trung thành tuyệt đối với Đảng, Nhà nước, luôn nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, trong mọi tình huống. Chỉ đạo Đảng ủy Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố, Trung đoàn 841 hoàn thành tiến độ, chất lượng các công trình biên soạn lịch sử, tổng kết chiến tranh giai đoạn 1945 - 2020. Tính đến nay đã hoàn thành, xuất bản, phát hành công trình lịch sử Đảng bộ Quân sự tỉnh, lịch sử LLVT tỉnh, lịch sử LLVT 10/13 huyện, thị, thành phố, lịch sử Trung đoàn 841.

Trước yêu cầu xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhất là xây dựng Quân đội theo hướng “tinh - gọn - mạnh”

và những thách thức của Cách mạng Công nghiệp 4.0, đòi hỏi công tác nghiên cứu, ứng dụng KHQS trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu phải đi trước một bước. Vì vậy, các cơ quan, đơn vị trong LLVT tỉnh tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp như sau:

Một là: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, người chỉ huy các cấp đối với hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHQS trong lĩnh vực huấn luyện, diễn tập và sẵn sàng chiến đấu. Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, quyết định việc thúc đẩy hoạt động KHQS đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực. Theo đó, các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về công tác KHQS, trực tiếp là Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ; Kết luận 62-KL/QUTW, ngày 18/01/2019 của Quân ủy Trung ương về “Tiếp tục lãnh đạo công tác khoa học công nghệ và môi trường trong Quân đội đến năm 2020 và những năm tiếp theo”; Kế hoạch của Bộ Quốc phòng thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg, ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, v.v. Trên cơ sở đó, chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chỉ huy đối với nhiệm vụ quan trọng này.

Hai là: Tiếp tục đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; ứng dụng các sáng kiến, sáng chế vào thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập KVPT, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu hộ trong LLVT tỉnh; nghiên cứu đề tài khoa học, biên soạn tài liệu, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật mang tính toàn diện, có chiều sâu đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển LLVT theo hướng “Chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tính chuyên nghiệp hóa cao”. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền, giáo dục, làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ, LLVT tỉnh nâng cao nhận thức, xác định đúng vai trò, vị trí quan trọng của KH&CN, KHQS đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, củng cố Quốc phòng của tỉnh.

Ba là: Tiếp thu thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 để nâng cao năng lực, từng bước làm chủ công nghệ, cải tiến, hiện đại hóa, sáng tạo nghiên cứu vũ khí, trang bị; khai thác làm chủ và bảo đảm kỹ thuật đối với các loại vũ khí, trang bị, kỹ thuật hiện có, nhất là loại công nghệ cao; nghiên cứu khoa học, công nghệ, sản xuất vũ khí, trang bị, kỹ thuật; các loại mô hình học cụ. Ứng dụng vào quá trình giáo dục chính trị, tuyên truyền phổ biến pháp luật; huấn luyện quân sự, kỹ thuật, hậu cần cho các đối tượng, cũng như thực hiện nhiệm vụ diễn tập, sẵn sàng chiến đấu.

Bốn là: Tiếp tục xây dựng và phát triển tiềm lực KHQS trong LLVT tỉnh; kiện toàn hệ thống tổ chức nghiên cứu KHQS ở các cơ quan, đơn vị, nâng cao năng lực quản lý KHQS; xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy chế hoạt động KHQS cho đồng bộ với đổi mới cơ chế của Nhà nước, Quân đội, sự phát triển của xã hội và phù hợp với đặc thù hoạt động của LLVT; thường xuyên rà soát, bổ sung hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác KHQS bảo đảm thực hiện thống nhất, hiệu quả.

Năm là: Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học, kịp thời truyền tải kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu. Đẩy mạnh khai thác thông tin khoa học quân sự qua mạng MISTEN (mạng nội bộ Quân đội), kịp thời truyền tải các kết quả nghiên cứu, ứng dụng KHQS của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cho các cơ quan, đơn vị trong toàn quân làm tài liệu tham khảo, mở rộng tri thức khoa học quân sự cho cán bộ các cấp...; mặt khác, để tránh trùng lặp trong đề xuất các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học, tiết kiệm ngân sách cho đơn vị.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KHQS trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ được giao là đòi hỏi khách quan cấp thiết cả trước mắt và lâu dài, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao./.

DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÀ TĨNH

Chú trọng đầu tư thiết bị công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng

Sở Công Thương Hà Tĩnh

Những năm gần đây, kinh tế Hà Tĩnh đã có bước phát triển vượt bậc. Tăng trưởng GRDP trong toàn giai đoạn 2011-2020 đạt 11,21%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015 đạt 17%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt gần 6%/năm.

Quy mô nền kinh tế năm 2020 gấp hơn 2,47 lần so với năm 2011, GRDP (giá so sánh) từ mức 19.297 tỷ đồng năm 2011 lên 47.740 tỷ đồng năm 2020.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, với tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm và tỷ trọng công nghiệp tăng. Trong 10 năm qua, tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 7,65% năm 2011 lên 12,92% năm 2015 và lên 35,7% năm 2020. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đang dẫn dắt đà tăng trưởng chung của ngành, với “đầu tàu” là Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Công ty FHS). Một số dự án công nghiệp quan trọng đã hoàn thành và phát huy hiệu quả như Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy bia Sài Gòn-Hà Tĩnh, Nhà máy sợi Vinatex Hồng Lĩnh, Nhà máy MDF-HDF Thanh Thành Đạt... Các sản phẩm công nghiệp chủ lực mới như thép, điện sản xuất đã đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế Hà Tĩnh.

Công nghiệp đóng góp trong GRDP của Hà Tĩnh tăng từ 2.836 tỷ đồng năm 2011 lên 7.191 tỷ đồng năm 2015 và nhảy vọt lên 26.706 tỷ đồng vào năm 2020 (giá hiện hành). Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)²⁴ của tỉnh tăng rất ấn tượng, năm 2017 và năm 2018 lần lượt tăng 71% và 88,48%, năm 2019 là 25% (cao hơn rất nhiều so với mức trung bình của cả nước là 9,4%), tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo tăng mạnh. Hà Tĩnh trở thành địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số IIP.

Năm 2021, sản xuất công nghiệp lấy lại đà tăng trưởng, tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế, đóng góp 4,46 điểm % trong mức tăng trưởng chung GRDP 5,02%. Chỉ số sản xuất toàn ngành năm 2021 ước tăng 16,45% so với năm 2020, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đóng góp chủ yếu với mức tăng 21,16%.

Đến nay toàn tỉnh có gần 700 doanh nghiệp, hợp tác xã lĩnh vực công nghiệp và khoảng 13.700 hộ sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

Xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng phát triển công nghiệp mũi nhọn, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần quan trọng vào cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại vào năm 2030; tham gia tích cực, hiệu quả và tận dụng lợi thế thương mại, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2030, tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các

²⁴ Phản ánh tốc độ phát triển sản xuất ngành công nghiệp hàng năm của địa phương.

ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%²⁵, các cấp, các ngành trên địa bàn Hà Tĩnh đã nỗ lực hỗ trợ cơ sở để tiếp thu, làm chủ, chuyển giao, ứng dụng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm ...

Thời gian qua Hà Tĩnh đã thu hút được nhiều dự án với công nghệ tiên tiến hiện đại, đồng bộ, trong đó phải kể đến là dự án Khu liên hợp gang thép của

Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh, với dây chuyền sản xuất thép chế tạo, hiện Formosa cho ra thị trường 02 dòng sản phẩm là thép cuộn cán nóng và dây thép cuộn với công nghệ hàng đầu thế giới. Sản phẩm cán nóng của Formosa đều là thép phôi tấm được xử lý theo các công đoạn như qua lò gia nhiệt, tẩy gỉ, cán thô, cán tinh và làm lạnh bề mặt, đóng cuộn tạo nên thép cuộn thô cán nóng, xưởng cán nóng kế hoạch sản lượng đạt 520 vạn tấn/năm, phạm vi độ dày có thể sản xuất từ 1,2 ~ 25,4mm, phạm vi độ rộng 900mm ~ 1880mm, các sản phẩm có mức thép cao thép như SS440, SS540... có thể ứng dụng trong các lĩnh vực gia công chế tạo thiết bị sẽ tạo động lực thu hút các dự án đầu tư sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sau thép.

Ngành Công Thương đã đồng hành cùng cơ sở hỗ trợ cơ sở chú trọng đầu tư thiết bị công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng từ nguồn quỹ khuyến công, cụ thể:

Giai đoạn 2014-2020, có 142 đề án được triển khai với tổng kinh phí hỗ trợ là 25.686 triệu đồng, trong đó từ nguồn khuyến công quốc gia có 18 đề án, tổng kinh phí là 12.079 triệu đồng; khuyến công địa phương có 124 đề án với tổng kinh phí là 13.606 triệu đồng, đồng thời huy động trên 285.000 triệu đồng vốn đối ứng của các cơ sở để thực hiện đề án, trong đó: hỗ trợ xây dựng 08 đề án về mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất với kinh phí thực hiện 2.265 triệu đồng; Hỗ trợ 58 đề án về ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến với kinh phí thực hiện 9.596 triệu đồng.

Nhiều cơ sở được hỗ trợ đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại như NM Bán kẹo Tân Tiệp. Một góc NM luyện thép Formosa Hà Tĩnh, Ảnh: PV. Sự nung nấu của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Trần Châu hỗ trợ dây chuyền sản xuất gạch không nung của Hàn Quốc, dây chuyền vận hành theo công nghệ tự động hoàn toàn từ khâu phối cấp liệu - dập khuôn - ra lò; hỗ trợ Công ty TNHH Núi Hồng ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến sản xuất, gia công, đúc gang thép để mua sắm hệ thống lò điện trung tần 01 tấn/mẻ, công nghệ đúc, làm khuôn bằng xốp tự hủy, có lớp sơn phủ bề mặt, quá trình đúc trong môi trường hút chân không (hay gọi là công nghệ đúc hút chân không), đúc ra các sản phẩm chất lượng cao như Bi nghiền than lò cao và thanh ghi thiêu kết. Đây là dự án đi đầu trong việc đổi mới công nghệ đúc, góp phần thay đổi tư duy làm nghề theo hướng khoa học, hiện đại cho các cơ sở trên địa bàn đặc biệt tại làng nghề rèn đúc Trung Lương; hỗ trợ Công ty TNHH xử lý và tái chế tro xỉ Viêt Hải đầu tư dây chuyền phân loại xỉ lò thép công suất 180-250 tấn, khử vôi dư trong xỉ thép, nhằm giảm pH có trong xỉ thép để đảm

²⁵ Mục tiêu đề ra theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

bảo an toàn sử dụng trong các công trình xây dựng, không xảy ra hiện tượng giãn nở, nứt gãy, phân loại theo kích cỡ hạt và phối trộn theo tỷ lệ, để đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp cho các loại sản phẩm vật liệu xây dựng...

Các cơ sở sản xuất trong lĩnh vực chế biến cũng đã được quan tâm hỗ trợ để chú trọng đầu tư thiết bị công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm như các DN, HTX sản xuất nước mắm với công nghệ phối, chộp bằng năng lượng mặt trời, công nghệ này giúp thời gian làm nước mắm giảm được một nửa so với cách làm lâu nay. Hơn nữa, không cần phải mở nắp thùng ủ cá để phối nắng nên giảm được lượng nước mắm cốt bay hơi, bay mùi thơm đặc trưng, sản phẩm vừa bảo đảm hàm lượng dinh dưỡng cao, vừa đáp ứng tốt các tiêu chí về vệ sinh an toàn thực phẩm. Các sản phẩm của Công ty Gel Sâm nhung mật ong, rượu Sâm Nhung được sản xuất trên dây chuyền có khả năng tự động hóa cao, đặc biệt Gel Sâm nhung mật ong là sản phẩm đạt Huân chương lao động hạng nhất do Chủ tịch nước tặng. Các sản phẩm Cốm gạo lứt, Trà gạo lứt Omega An Phát của Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ An Phát cũng được chú trọng đổi mới công nghệ, hiện đang tiến hành xây dựng nhà xưởng tiến tới lắp đặt dây chuyền đồng bộ tại CCN Phù Việt...

Doanh nghiệp Công nghiệp Hà Tĩnh nói riêng, doanh nghiệp trên địa bàn nói chung đã xác định muốn nâng cao chất lượng thì phải chủ động đầu tư thiết bị sản xuất sản phẩm hiện đại, có khả năng tự động hóa, đồng bộ, ít tiêu hao năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường mới giảm giá thành, đáp ứng yêu cầu thị hiếu người tiêu dùng, do vậy đã, đang không ngừng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ máy móc để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế./.

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHCN, THÚC ĐẨY NỀN NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Những năm qua, thực hiện chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp và thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tỉnh ta đã xác định khoa học công nghệ là một trong những giải pháp trọng tâm trong tổ chức lại sản xuất để từng bước tạo đột phá cho phát triển nông nghiệp công nghiệp hóa, công nghệ cao, hiện đại. Ngành đã chủ động xây dựng, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách; UBND tỉnh đã ban hành các đề án, quy hoạch, kế hoạch và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện giải pháp, các cơ chế, chính sách; thông qua đó đã thúc đẩy việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng thành công nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Khoa học và công nghệ đã đóng góp quan trọng giúp nông nghiệp Hà Tĩnh phát triển toàn diện, đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận như: Tốc độ tăng trưởng nông lâm thủy sản bình quân trong 3 năm gần đây (giai đoạn 2020-2025) ước đạt trên 3,6%; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt trên 96 triệu đồng/ha (năm 2010 là 45 triệu đồng/ha); cơ cấu sản xuất ngành, lĩnh vực và nhiều sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực có bước chuyển dịch theo hướng tích cực. Lũy kế đến nay đã có 177/181 xã đạt chuẩn, 50 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 09/13 huyện thành phố, thị xã đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và phấn đấu để thực hiện Đề án Thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Kết quả nổi bật trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trên các lĩnh vực, cụ thể:

- *Về sản xuất Trồng trọt:* Với việc cơ cấu lại bộ giống lúa chủ lực, cập nhật, sử dụng các giống ngắn ngày; khảo nghiệm, tuyển chọn được nhiều giống lúa có triển vọng, thích ứng với điều kiện thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng Hà Tĩnh (như: Giống lúa P6, PC6, TH3-3, HT1, RVT, TH9, N98, BQ,...); thực hiện tốt các Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM, ICM, hệ thống thâm canh lúa cải tiến SRI,... đã tạo được bước chuyển lớn về cơ cấu giống, mùa vụ, sử dụng giống ngắn ngày, chất lượng cao; Xuân muôn chiếm trên 95% (năm 2012 dưới 30%), giảm số lượng giống trên trà gieo cấy (từ trên 44 giống/vụ xuống còn dưới 28 giống/vụ); năng suất lúa liên tục tăng (từ 48 tạ/ha/năm lên 51,3 tạ/ha/năm), sản lượng lúa đạt trên 58 vạn tấn/năm (tăng 3,5 vạn tấn so với năm 2012).

Chuyển giao KHCN, sản xuất giống cam từ mắt ghép các vườn cam đạt tiêu chuẩn, đã tạo sự đồng nhất về cam Chanh chất lượng cao ở nhiều địa phương, bảo tồn quỹ gen cam Bù đặc sản; chuyển giao thành công kỹ thuật thâm canh, phương pháp thụ phấn bổ sung, bao quả bưởi Phúc Trạch trên diện rộng; đã thúc đẩy phát triển nhanh cam, bưởi trên địa bàn tỉnh. Đến nay, diện tích cam đạt trên 7.829 ha (tăng 3,2 lần), bưởi đạt trên 4.335 ha (tăng 2,7 lần), trong đó trên 80% vườn bưởi áp dụng kỹ thuật thụ phấn bổ sung và 40-50% thực hiện bao quả, hơn 2.341ha cam, bưởi được chứng nhận VietGAP; sản lượng cam, bưởi đạt trên 97.418 tấn (tăng hơn 3,6 lần). Bước đầu đã số hóa thông tin, dữ liệu cho 2.859 hộ sản xuất, kinh doanh bưởi Phúc Trạch thuộc 2 DN, 6 HTX, 128 THT và 13 vùng hộ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,

hữu cơ với tổng diện tích 899 ha, kết nối 163 tổ chức DN/HTX/THT/Vùng hộ sản xuất bưởi cung cấp giống, phân bón, gồm 2.826 thành viên; thu thập số hóa dữ liệu 1.848 ha cho 274 HTX, THT với 1.555 hộ sản xuất cam chanh, cam bù. Tiến hành kiểm tra, đánh giá cấp mã số vùng trồng sản xuất bưởi Phúc Trạch.

- *Về sản xuất chăn nuôi*: Ứng dụng quy trình nuôi thâm canh, công nghiệp; công nghệ sản xuất giống lợn siêu nạc để tái cơ cấu đàn lợn giống tạo dòng sản phẩm đồng nhất chất lượng cao; đẩy mạnh Zêbu hóa đàn bò; tạo động lực phát triển nhanh chăn nuôi gia trại, trang trại tập trung, công nghiệp²⁶,.... Triển khai, thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, tập trung hoàn thiện các mục tiêu về hạ tầng số, số hóa dữ liệu chuyên ngành²⁷.

- *Về sản xuất Lâm nghiệp*: Áp dụng quy trình, kỹ thuật trồng rừng thâm canh, làm giàu rừng gỗ lớn, góp phần tăng nhanh năng suất rừng trồng; đổi mới công nghệ các cơ sở chế biến (đặc biệt là thu hút đầu tư dây chuyền công nghệ chế biến gỗ MDF, HDF của Công ty Thanh Thành Đạt) tạo động lực cho đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng tập trung; thực hiện quy trình quản lý rừng bền vững đạt chứng nhận FSC; tiếp tục triển khai thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số trong lĩnh vực lâm nghiệp²⁸.

- *Về sản xuất Thủy sản*: Đẩy mạnh ương dưỡng giống có chất lượng cao, an toàn dịch; áp dụng công nghệ tiên tiến về nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát, nuôi thâm canh, công nghệ cao, an toàn sinh học: Công nghệ sinh học phân tử (PCR) phát hiện virus đốm trắng trên tôm, công nghệ xử lý nước bằng chế phẩm sinh học (HTBIO; sử dụng thiết bị, công nghệ kỹ thuật máy dò ngang Sonar trên tàu cá xa bờ, đã thúc đẩy phát triển nhanh nuôi trồng và khai thác thủy hải sản, tổng sản lượng thủy sản đạt 53.357 tấn (tăng 60,6% so với năm 2012).

- *Lĩnh vực Thủy lợi*: Ứng dụng công nghệ mới trong xử lý thảm các công trình thủy lợi; nghiên cứu, áp dụng mức tưới, hệ số tưới cho lúa áp dụng trong quy hoạch, thiết kế, quản lý khai thác các công trình thủy lợi; công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây ăn quả, sản xuất rau củ quả trên cát, các mô hình vườn mẫu; xây dựng Bản đồ quản lý tưới, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý; xây dựng bản đồ khu vực dễ bị tổn thương do lũ quét, sạt lở đất; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc truyền tin thiên tai, đo mưa tự động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó với thiên tai.

- *Cơ giới hóa sản xuất nông, lâm, thủy sản*: Cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đã góp phần tiết kiệm chi phí, giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch, giải phóng sức lao động, đảm bảo thời vụ, phòng tránh thiên tai, là tiền đề quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại. Đến nay, tỷ lệ cơ giới hóa, tự động hóa trong nhiều lĩnh vực, khâu sản xuất đạt cao: Khâu làm đất lúa đạt tỷ lệ 98,2%, khâu đạt tỷ lệ 72,5%; khâu

²⁶ Các giống lợn chất lượng cao như: Lợn ngoại (Landrace, Yorshire, Duroc...), Bò (Charolaise, 3B, bò thịt và bò giống ngoại), các giống gà siêu thịt, siêu trứng, giống dê Boer,... đặc biệt đã xây dựng được nhiều cơ sở sản xuất giống lợn siêu nạc, 100% máu ngoại cấp ông bà theo quy trình công nghệ hiện đại của Thái Lan; sản xuất thành công chế phẩm HATIMIC trong xử lý môi trường chăn nuôi, sản xuất phân hữu cơ vi sinh;

²⁷ Rà soát, chuẩn hóa hệ thống thông tin, dữ liệu dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản; xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu chăn nuôi; xây dựng kho dữ liệu các quy trình, kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh,...

²⁸ Ứng dụng hiệu quả camera giám sát, cảnh báo cháy rừng trên địa bàn, đồng thời phối hợp tích hợp vào Hệ thống Giám sát và Điều hành thông minh của tỉnh (IOC) để cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành. Năm 2022 tiếp tục triển khai mua sắm, lắp đặt 6 camera tại 6 huyện Hương Sơn, Nghi Xuân, Vũ Quang, Can Lộc, Thạch Hà, Hương Khê....

thu hoạch lúa đạt 98%; trên 90% các trang trại chăn nuôi áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong các khâu tiêu độc khử trùng chuồng trại, cấp nước, vận chuyển thức ăn; sản xuất lâm nghiệp (khâu tưới, phay sản xuất cây giống đạt 82%, khai thác 86%, vận chuyển 92%, chế biến lâm sản 85%); trong nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao và tàu khai thác xa bờ cơ giới hóa đạt trên 80%.

Tuy vậy, việc ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong phát triển nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều khó khăn. Các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học ứng dụng thành công ở một số mô hình, sản phẩm, nhưng việc nhân ra diện rộng còn chậm, nhất là đối với sản xuất quy mô nhỏ lẻ của các hộ nông dân; sản xuất trên một số lĩnh vực như trồng và chăm sóc cây ăn quả, sản xuất vườn hộ, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản quảng canh, trồng rừng, chủ yếu theo kinh nghiệm truyền thống, ứng dụng KHCN chưa nhiều.

Thời gian tới, để xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong giai đoạn tới, ngành nông nghiệp tiếp tục xác định khoa học công nghệ là động lực then chốt. Tiếp tục rà soát, triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách, kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp, đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ; đẩy mạnh xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, thông minh,... để đánh giá và triển khai nhân ra diện rộng. Khởi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư đáp ứng cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nông nghiệp. Tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tiếp tục chuyển giao, ứng dụng nhanh thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông dân, nông thôn, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác giống, quy trình sản xuất, công nghiệp bảo quản, chế biến tinh sâu, nhằm cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng các sản phẩm nông sản của tỉnh trên thị trường./.

NGÀNH Y TẾ HÀ TĨNH CHÚ TRỌNG ĐƯA CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀO KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN

Sở Y tế Hà Tĩnh

Trong thời gian qua, ngành Y tế Hà Tĩnh đã chú trọng đưa các kết quả nghiên cứu vào khám và điều trị bệnh nhân. Toàn Ngành đã triển khai, tiếp nhận chuyển giao trên 3550 kỹ thuật mới về chẩn đoán, điều trị, trong đó có hàng trăm kỹ thuật cao của tuyến trung ương đã được áp dụng thành công thông qua hình thức đào tạo chuyển giao kỹ thuật như can thiệp tim mạch; phẫu thuật sọ não, cột sống; phẫu thuật thay khớp gối, khớp háng toàn phần,... Nhờ đó nhiều ca bệnh hiểm nghèo đã được cấp cứu, điều trị thành công ngay tại tuyến tỉnh, tuyến huyện và các cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập giúp giảm chi phí và thời gian điều trị, giảm áp cho các bệnh viện tuyến trên, tạo niềm tin, sự hài lòng cho người bệnh và nhân dân.

Xác định tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong ngành Y tế là vô cùng quan trọng và cần thiết để nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Ngày 20/11/2022, Sở Y tế đã ban hành Kế hoạch phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ của ngành Y tế Hà Tĩnh đến năm 2030 với mục tiêu: “Nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học và năng lực ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe, chẩn đoán, điều trị; phòng, chống dịch bệnh mới nổi, tái nổi phát sinh ở người; về sức khỏe sinh sản,...; nghiên cứu, phát triển nguồn thảo dược, sản xuất các loại thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo quy định về an toàn thực phẩm. Xây dựng các mô hình, giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân”.

Với lực lượng hơn 2650 cán bộ có trình độ đại học trở lên, trong đó có hàng trăm người có trình độ chuyên khoa I, II, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành chăm sóc sức khỏe công tác tại tuyến tỉnh đến tuyến xã, là lực lượng nòng cốt trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ. Ngành Y tế Hà Tĩnh đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào nhiều lĩnh vực khám chữa bệnh, y tế dự phòng; sản xuất, kiểm nghiệm dược phẩm, an toàn thực phẩm. Nổi bật là triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong chẩn đoán và điều trị bệnh.

Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh (BVĐK) đã ứng dụng, chuyển giao được nhiều kỹ thuật tiên tiến hiện đại như: Chụp và can thiệp động mạch vành qua da; phẫu thuật cột sống, sọ não; phẫu thuật nội soi cắt lách, cắt khối tá tụy; hỗ trợ sinh sản IUI, xạ hình điều trị ung thư bằng hệ thống SPECT; xét nghiệm sinh học phân tử chẩn đoán vi sinh vật, đặc biệt là xét nghiệm SARS-CoV-2.... Đặc biệt, bệnh viện đã thực hiện thành công hơn 650 ca xạ hình điều trị ung thư bằng I¹³¹, 535 ca phẫu thuật cột sống, sọ não, 489 ca phẫu thuật thay khớp háng toàn phần... Việc đầu tư hệ thống chụp mạch DSA, máy chụp cộng hưởng từ MRI, CT-Scanner... đã hỗ trợ đắc lực cho chẩn đoán, điều trị.

Tại các bệnh viện đa khoa ngoài công lập, bệnh viện đa khoa/trung tâm y tế có giường bệnh tuyến huyện cũng đã nỗ lực cố gắng tiếp nhận và ứng dụng các

tiên bộ kỹ thuật cao, thu hút số lượng bệnh nhân đến khám và điều trị ngày càng đông. Một số bệnh viện đã xử trí và cấp cứu kịp thời nhiều ca bệnh nguy hiểm, nguy cơ tử vong cao về tim mạch, sản khoa, đa chấn thương... như các BVĐK/TTYT thị xã Kỳ Anh, thành phố Hà Tĩnh, Hương Sơn, Hương Khê, Thạch Hà... 100% bệnh viện tuyến huyện đã thực hiện được phẫu thuật nội soi tiêu hóa; có 6 bệnh viện thực hiện phương pháp tán sỏi niệu quản bằng phương pháp nội soi ngược dòng bằng tia laser; Bệnh viện Đa khoa Đức Thọ và thị xã Kỳ Anh đã triển khai thành công kỹ thuật chạy thận nhân tạo giúp bệnh nhân bị suy thận được điều trị gần nhà với chi phí hợp lý; nhiều bệnh viện đã triển khai phương pháp Phaco trong phẫu thuật đục thủy tinh thể với nhiều ưu điểm như thời gian mổ ngắn, sự phục hồi thị lực sau mổ nhanh và tốt hơn phương pháp thông thường... có 06 bệnh viện có máy chụp CT-Scanner... đã hỗ trợ đắc lực cho chẩn đoán, điều trị.

Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh, Y học cổ truyền tỉnh và lĩnh vực y học cổ truyền – phục hồi chức năng đã áp dụng nhiều kỹ thuật mới về vật lý trị liệu – phục hồi chức năng khó khăn vận động, tâm lý trị liệu, ngôn ngữ trị liệu, phục hồi chức năng trẻ bại não...; bào chế bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền để tăng hiệu quả điều trị và phục hồi di chứng do bệnh tật.

Song song với việc ứng dụng tiên bộ công nghệ, công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và sáng kiến cải tiến kỹ thuật cũng đã được ngành Y tế quan tâm triển khai. Các đơn vị trong Ngành đã chủ trì thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, phối hợp thực hiện các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trung bình mỗi năm ngành Y tế có hơn 90 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, 3-5 đề tài cấp tỉnh được triển khai và nghiệm thu. Các nội dung nghiên cứu ngày càng đa dạng với đầy đủ các lĩnh vực về điều trị; điều dưỡng, chăm sóc người bệnh; dược; y tế công cộng; phòng bệnh; quản lý y tế (tổ chức, tài chính y tế,...); quản lý chất lượng bệnh viện;... Chất lượng các đề tài cũng ngày càng được nâng cao. Các đề tài NCKH luôn bám sát nhu cầu thực tế về chăm sóc sức khỏe, mang lại lợi ích thiết thực cho người bệnh, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nhiều đề tài, sáng kiến tập trung vào giải pháp ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới về chẩn đoán, điều trị; ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến quy trình khám bệnh... Những đề tài/sáng kiến này đã giúp ngành Y tế có những số liệu, giải pháp phù hợp để quản lý điều hành, nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ. Điển hình là các đề tài: “Đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật chụp và can thiệp động mạch vành qua da tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh” đạt giải nhì Hội thi sáng tạo KH&KT toàn tỉnh năm 2021; “Nghiên cứu ứng dụng điều trị tiêu sợi huyết bằng Alteplase đường tĩnh mạch ở bệnh nhân đột quỵ nhồi máu não cấp tính tại BVĐK Hà Tĩnh”; “Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh Melioidosis tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh”... và các sáng kiến cấp tỉnh như: Giải pháp ứng dụng pháp đồ EBMT trong điều trị viêm dạ dày nhiễm Helicobacter pylori, Giá trị chẩn đoán gãy xương sườn và sụn sườn trong chấn thương ngực kín bằng siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Hà Tĩnh và các sáng kiến của BVĐK tỉnh Hà Tĩnh như: Chất lượng sống ở bệnh nhân ung thư phổi trước và sau hóa trị triệu chứng bằng Vinorelbine; kết quả chụp - can thiệp động mạch vành qua da trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp có ST chênh lên; ứng dụng điều trị tiêu sợi

huyết Alteplase đường tĩnh mạch ở bệnh nhân đột quy nhồi máu não cấp tính; điều trị bảo tồn chấn thương gan trong chấn thương bụng kín; ứng dụng phẫu thuật Stripping trong điều trị ngoại khoa bệnh suy giãn tĩnh mạch nông chi dưới,...;

Từ năm 2016 đến nay, các đơn vị trong Ngành tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai nhiều phần mềm trong quản lý hoạt động bệnh viện, quản lý thuốc, quản lý tiêm chủng, hệ thống quản lý/giám sát bệnh truyền nhiễm,... nhằm giảm các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng chuyên môn. BVĐK tỉnh đã ứng dụng hệ thống bệnh án điện tử, hệ thống Telemedicine để hội chẩn trực tuyến với Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Nhi Trung ương, hệ thống PACS kết nối với các máy chụp X-quang kỹ thuật số (không phải in phim) để chuyển dữ liệu hình ảnh đến các khoa lâm sàng và các bệnh viện trung ương để hội chẩn...

Từ việc chú trọng đưa các kết quả nghiên cứu vào khám và điều trị bệnh nhân, chất lượng công tác khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh đã không ngừng được cải tiến, giúp người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng cao ngay tại tuyến huyện và tuyến tỉnh, giảm chi phí, giảm tải cho tuyến trên; trung bình công suất sử dụng giường bệnh của các bệnh viện toàn tỉnh hàng năm đạt hơn 115%; ngày điều trị trung bình của các bệnh viện đa khoa vào năm 2020 giảm xuống còn 6,3 ngày. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về cung cấp dịch vụ y tế thường xuyên > 95%.

Trong giai đoạn 2022- 2030, ngành Y tế tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng các kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu, đảm bảo đến hết năm 2024 các bệnh viện tuyến tỉnh thực hiện được tất cả các kỹ thuật theo phân tuyến quy định giúp người dân được sử dụng dịch vụ y tế chất lượng cao ngay tại tỉnh, góp phần tích cực giảm tải quá tải bệnh viện; Bệnh viện Đa khoa tỉnh tiếp tục ứng dụng các kỹ thuật của tuyến trung ương trong một số chuyên ngành: Tim mạch can thiệp, chấn thương chỉnh hình, phẫu thuật lồng ngực; hỗ trợ sinh sản IUI, IVF; chẩn đoán sàng lọc bệnh lý bẩm sinh di truyền; sản xuất và cung cấp các chế phẩm máu cho phẫu thuật và điều trị, triển khai điều trị bệnh lý về máu,... phát triển chuyên khoa chẩn đoán và điều trị ung bướu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong tỉnh. Đối với bệnh viện tuyến huyện và các cơ sở khám chữa bệnh tuyến cơ sở, trọng tâm lắng đọng, làm chủ các kỹ thuật trong phạm vi phân tuyến quy định, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ tuyến tỉnh trên cơ sở chọn lọc ưu tiên phù hợp với đặc thù của địa phương.

Đối với lĩnh vực y - dược học cổ truyền, tiếp tục ứng dụng các thành tựu công nghệ vào chẩn đoán, điều trị, sản xuất, bào chế dược liệu theo phương châm kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền nhằm nâng cao tính khoa học, xác thực trong chẩn đoán; tăng sự thuận lợi trong sử dụng thuốc và tuân thủ điều trị thông qua việc bào chế, sản xuất các dạng thuốc phù hợp bằng thiết bị công nghệ mới.

Tiếp tục thực hiện mục tiêu công nghệ số hóa, tin học hóa, hiện đại hóa hệ thống quản lý dữ liệu, thông tin y tế; thực hiện bệnh án điện tử; ứng dụng phần mềm quản lý, điều hành đáp ứng yêu cầu nhanh, chính xác trong giải quyết thủ tục ra vào viện tạo thuận lợi cho người dân, giúp nâng cao chất lượng quản lý

chuyên môn, kiểm soát đơn thuốc, đảm bảo an toàn người bệnh, phòng ngừa sự cố y khoa.... Triển khai hệ thống Telemedicine phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh, hội chẩn, tư vấn chuyên môn, khám, chữa bệnh từ xa....

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, trước hết ngành Y tế phải nâng cao năng lực về khoa học và công nghệ, tăng cường đào tạo nhân lực để nâng cao năng lực lựa chọn, tiếp nhận và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KH&CN phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị. Bên cạnh sự phát huy nội lực của mình, ngành Y tế rất cần sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban ngành trong tỉnh, đặc biệt là sự phối hợp của Sở Khoa học và Công nghệ để tiếp tục nâng cao khả năng ứng dụng KH&CN để tăng cường chất lượng khám chữa bệnh và công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân./.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NHẪM PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, LỊCH SỬ

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Tĩnh

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao, du lịch và gia đình của Hà Tĩnh đã ngày càng được quan tâm đẩy mạnh và đạt được khá nhiều kết quả đáng khích lệ. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đều tập trung hướng nghiên cứu làm rõ cả về lý luận và thực tiễn những vấn đề về phát triển văn hóa được ghi trong các Nghị quyết của Đảng, các Luật, Nghị định, Thông tư và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

Kết quả nghiên cứu của các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học trở thành tài liệu quan trọng cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, hoạch định các chính sách, chiến lược phát triển; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc, văn hóa các dân tộc thiểu số, phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của nhân dân, dân tộc....

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh ta ngày càng bám sát các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh, gắn với thực tiễn sản xuất; nhiều đề tài, dự án được đánh giá, nghiệm thu có khả năng ứng dụng cao phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống; ứng dụng thành công tiến bộ KHCN vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt ở một số xã điểm xây dựng nông thôn mới. Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tiếp tục được tăng cường và phát huy hiệu quả; nguồn nhân lực khoa học công nghệ được bổ sung theo chính sách thu hút nhân tài của tỉnh và được đào tạo nâng cao trình độ trên các lĩnh vực.

2. Những kết quả đạt được

Trong 15 năm qua, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành liên quan triển khai nhiều đề tài khoa học quan trọng, góp phần đắc lực giải quyết các vấn đề đặt ra trên lĩnh vực văn hóa, nhất là đáp ứng thông tin đa dạng, nhanh chóng của nhân dân cũng như những nội dung cơ bản về xây dựng con người Hà Tĩnh, xây dựng môi trường văn hóa, phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật...

Nhiều đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã được nghiên cứu, nghiệm thu và triển khai thực hiện đạt kết quả tốt như: “Xây dựng vốn tư liệu địa chí Hà Tĩnh”, “Bước đầu nghiên cứu thực trạng kinh tế và xã hội dân tộc thiểu số ở Hà Tĩnh và đề xuất giải pháp phát triển”, “Nghiên cứu văn hóa làng và làng văn hóa Hà Tĩnh”, “Xây dựng mô hình tổ chức truyền thông khoa học, công nghệ, môi trường cơ sở”, “Nghiên cứu bảo tồn và phát huy Hát ví Sông La”, “Nghiên cứu bảo tồn và phát huy Hò Thạch Khê”, “Nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ chủ chốt các xã miền núi thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tĩnh”,

“Nghiên cứu lễ hội dân gian Hà Tĩnh”, “Nghiên cứu văn học Hà Tĩnh thế kỷ XX”, “Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá người Mã Liềng”, “Nghiên cứu ảnh hưởng của dòng họ trong tiến trình phát triển kinh tế- xã hội ở Hà Tĩnh”, “Nghiên cứu, định hướng bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn Hà Tĩnh”, “Nghiên cứu các giá trị di sản chùa Hương Tích vào khai thác phát triển du lịch”, “Đại thi hào Nguyễn Du và không gian văn hóa Hồng Lam”, “Nghiên cứu giá trị văn hóa làng Trường Lưu, huyện Can Lộc trong việc xây dựng mô hình làng văn hóa – du lịch”, “Bảo tồn và phát huy Lễ hội đền Lê Khôi”, “Bảo tồn và phát huy Lễ hội đền Nguyễn Thị Bích Châu”, “Địa danh Hà Tĩnh”...

Tất cả đề tài này đều được ứng dụng vào thực tiễn đời sống xã hội, nhiều đề tài đã được xuất bản thành sách để nghiên cứu, học tập, ứng dụng.

Đặc biệt, hiệu ứng từ những đề tài này cùng với các chủ trương, chính sách đúng đắn của tỉnh, nền văn hóa – xã hội của tỉnh nhà ngày càng có những chuyển biến mạnh mẽ. Xác định con người là mục tiêu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như xây dựng đời sống văn hóa, các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh xuống cơ sở được quan tâm đầu tư xây dựng và từng bước hoàn thiện, tạo điều kiện để nhân dân tham gia, tổ chức và hưởng thụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; 5 đức tính xác định trong Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã được cụ thể hóa thành chương trình hành động phù hợp với tình hình thực tế địa phương, từng đơn vị và từng đối tượng... Đức tính cần cù, hiếu học, trọng nghĩa tình, đoàn kết, tương thân tương ái - những bản sắc ấy của con người Hà Tĩnh ngày càng được khẳng định và phát huy. Nhiều nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức từng bước được hình thành... Tất cả đã góp phần tạo ra hiệu ứng tích cực trong việc xây dựng và thực hiện những chuẩn mực văn hóa, môi trường văn hóa, chuẩn mực đạo đức của con người Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay.

Trên lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa vật thể, tính đến tháng 12 năm 2022, tỉnh Hà Tĩnh có trên 1.800 di tích lịch sử- văn hoá đã được kiểm kê, kiểm đếm, trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 86 di tích và 535 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Trong số di tích được xếp hạng có những quần thể cụm di tích có giá trị lớn về văn hoá lịch sử và có khả năng phục vụ phát triển kinh tế, du lịch của tỉnh như quần thể di tích Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, Chùa Hương Tích, Khu lưu niệm Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Đền Trầm Lâm, Thành Sơn Phòng Hàm Nghi, Ngã Ba Đồng Lộc, Đền thờ Chế Thắng Phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu.v.v.

Nhìn chung, các di tích lịch sử văn hoá ở Hà Tĩnh đều chứa đựng những giá trị văn hoá tinh thần và vật chất hết sức to lớn, được bảo tồn lưu giữ từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tuy nhiên tuổi thọ của các di tích lịch sử, văn hoá trên địa bàn tỉnh ta đều hầu hết có từ 100 đến 500 năm tuổi, mặc dù đã qua nhiều lần trùng tu,

sửa chữa nhưng các di tích đang xuống cấp nhiều, có những di tích xuống cấp nghiêm trọng đang cần phải được bảo tồn, tôn tạo.

Một điều rất đáng ghi nhận trong những năm gần đây, đó là việc trùng tu, tôn tạo di tích đã tuân thủ khá tốt các yêu cầu kỹ thuật về tu bổ di tích. Các di tích khi trùng tu đều được khảo sát, đánh giá hiện trạng, lập hồ sơ thiết kế, báo cáo kinh tế - kỹ thuật một cách nghiêm túc, có bài bản trên cơ sở những kết quả nghiên cứu về di tích một cách thấu đáo, đồng thời được tổ chức thực hiện và giám sát một cách cẩn trọng. Tiêu biểu có thể kể đến các di tích như Đền Cả (xã Ích Hậu), Đền Voi Mẹp (xã Đức Thủy), Đền Công Đồng (xã Phú Gia), Đền Gôi Vị (xã Sơn Hòa)... Hầu hết các di tích này đều được làm bằng gỗ, được chạm khắc tinh xảo và có nhiều mảng kiến trúc rất độc đáo. Vì thế khi tiến hành trùng tu, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Tĩnh đã thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về trình tự thủ tục, tư vấn về mặt chuyên môn và biện pháp thi công phù hợp. Các biện pháp thi công như thay cốt, ốp mang, tiêu tâm, nối chân, nối mộng... đều được tính toán và áp dụng rất hiệu quả. Các yếu tố gốc của di tích được lưu giữ, bảo tồn có hiệu quả. Cũng chính nhờ vậy mà các di tích từ chỗ xuống cấp trầm trọng thì nay đã được khôi phục, bảo tồn, lưu giữ bài bản. Rất nhiều di tích đã được cứu vãn khỏi nguy cơ sụp đổ, bảo đảm độ bền vững lâu dài.

Cùng với việc trùng tu, tôn tạo di tích, thời gian qua, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã áp dụng rất nhiều phương pháp khoa học kỹ thuật hiện đại để bảo tồn các tư liệu bằng giấy, tư liệu được khắc trên gỗ, trên đá (bia đá)...

Từ năm 2014, Bảo tàng Hà Tĩnh và Thư viện Khoa học Tổng hợp TPHCM đã tiến hành thực hiện số hóa tại 42 xã của 5 huyện, thành phố gồm: Lộc Hà, Can Lộc, Hương Khê, Cẩm Xuyên và Thành phố Hà Tĩnh với 230 chi họ, 3 di tích lịch sử cấp quốc gia, 9 di tích lịch sử cấp tỉnh, 2 di tích chưa xếp hạng và 2 đơn vị đang lưu trữ tư liệu Hán - Nôm là bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh và UBND xã Thạch Bình.

Số tư liệu Hán Nôm được số hóa gồm: 743 đạo sắc, chế, chiếu chỉ; 268 cuốn gia phả; 149 bảng cấp và 147 tài liệu khác như sách thuốc, văn tế, địa bạ, khế ước ruộng đất... với tổng số hơn 23.000 trang.

Có thể nói rằng, nhờ áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật nên công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hà Tĩnh ngày càng chuyên biến tích cực, đạt được nhiều kết quả khả quan. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống đã được khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị tốt hơn trong đời sống đương đại. Sự phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành liên quan ngày càng hiệu quả, thiết thực.

2. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ quan tâm, tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh có kế hoạch soạn thảo bộ Địa chí Hà Tĩnh (Hiện nay, các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế đều đã có địa chí tỉnh).

Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hàng giả, hàng nhái trên địa bàn Hà Tĩnh

Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh

Những năm gần đây, tình trạng sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng vẫn ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp cả về quy mô, lĩnh vực lẫn phương thức sản xuất, tổ chức tiêu thụ và nhập khẩu từ bên ngoài, với nhiều hình thức, thủ đoạn tinh vi. Công tác kiểm soát hàng giả, hàng nhái trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã được triển khai đồng bộ và đạt được một số kết quả đáng kể. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập, chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Là đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tỉnh (Ban 389 tỉnh), Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh đã nghiên cứu và triển khai đề tài cấp tỉnh “Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ngành Hải quan Hà Tĩnh trong kiểm soát hàng giả, hàng nhái trên địa bàn”. Đề tài đã được Hội đồng KHCN chuyên ngành cấp tỉnh đánh giá cao, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hàng giả, hàng nhái trên địa bàn.

Chúng tôi xin giới thiệu “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hàng giả, hàng nhái trên địa bàn Hà Tĩnh” đã được Nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu, đề xuất:

Xác định công tác chống hàng giả, hàng nhái là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, góp phần bảo vệ an ninh chính trị - kinh tế và trật tự an toàn xã hội; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia trong công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả ..., những năm gần đây các cấp, ngành, địa phương tại Hà Tĩnh đã làm tốt công tác nắm tình hình, kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái trên địa bàn. Nhờ đó, Hà Tĩnh không phải là điểm nóng về buôn lậu, sản xuất hàng giả, tuy nhiên tình trạng kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu được bảo hộ, “đội lốt” hàng Việt Nam, sản phẩm mập mờ nguồn gốc, xuất xứ... lại khá nhiều, vẫn còn nhiều đối tượng, vụ việc về hàng giả, hàng nhái được phát hiện và bắt giữ trong thời gian qua.

Theo số liệu thống kê từ Ban Chỉ đạo 389 tỉnh, trong năm 2021, các lực lượng chức năng trên địa bàn tỉnh đã tiến hành bắt giữ 3.376 vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng cấm, hàng lậu, gian lận thương mại và hàng giả; tang vật vi phạm chủ yếu là ma túy, pháo nổ, lâm sản, đồ chơi trẻ em, quần áo, bánh kẹo, mỹ phẩm, linh kiện điện thoại... với tổng trị giá hàng hóa vi phạm 7 tỷ đồng); xử phạt vi phạm hành chính 3.090 vụ với tổng trị giá tiền xử phạt VPHC, tiền phạt bổ sung, truy thu thuế là 39,5 tỷ đồng; xử lý hình sự 227 vụ/292 đối tượng...

Đặc biệt trong thời gian gần đây, các lực lượng chức năng trên địa bàn (Hải quan, Biên phòng, Công an, Quản lý thị trường...) liên tiếp bắt giữ các vụ vận

chuyển test nhanh kháng nguyên COVID-19, vật tư thiết bị y tế, hàng hóa tiêu dùng (chè, gạo, mỹ phẩm...) không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Trên thị trường nội địa, vẫn xảy ra các hành vi vi phạm về kinh doanh hàng không có hóa đơn, chứng từ, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ... Thông thường, các đối tượng sử dụng hóa đơn xoay vòng để hợp thức hóa hàng nhập lậu; xé nhỏ, chia lẻ hàng hóa gửi theo xe khách, khi bắt giữ lấy lý do hành lý của khách hàng để qua mặt lực lượng chức năng; trà trộn hàng hóa không có nguồn gốc, xuất xứ, hóa đơn chứng từ với các loại hàng hóa khác có hóa đơn chứng từ để sản xuất, kinh doanh...

Trên tuyến biên giới, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19, hoạt động giao thương hàng hóa trên tuyến biên giới, cửa khẩu được các lực lượng chức năng kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên, hoạt động mua bán, kinh doanh hàng hóa nhập lậu, vận chuyển trái phép ma túy vẫn còn diễn ra trên một số tuyến, địa bàn trọng điểm với nhiều phương thức, thủ đoạn và manh động hơn. Đối tượng vi phạm chủ yếu là các chủ phương tiện vận tải, lái xe vận chuyển theo tuyến từ Việt Nam đi và về từ các nước Lào, Thái Lan; cư dân vùng biên giới, những người dân đi làm ăn ở các nước Lào, Thái Lan về bị các đối tượng khác lợi dụng để vận chuyển trái phép hàng hóa. Hàng lậu thường được xé lẻ, tháo dỡ nhét hàng vào các khoang rỗng tự tạo trên thành xe, cửa xe, đệm ghế, gầm sàn xe... để vận chuyển hàng lậu.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, Ban Chỉ đạo 389 tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai quyết liệt công tác chống hàng giả, hàng nhái trên địa bàn tỉnh; bên cạnh việc triển khai các kế hoạch đấu tranh cao điểm, các kế hoạch chuyên đề, các đơn vị, lực lượng trên địa bàn cũng đã làm tốt công tác phối kết hợp trong kiểm tra, giám sát, kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm; quan tâm, làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

Những kết quả đó góp phần từng bước thiết lập trật tự, kỷ cương trong quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo vệ quyền lợi ích của doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về chống hàng giả, hàng nhái như công tác tuyên truyền hiệu quả chưa cao; công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng cũng chưa được thực hiện một cách đồng bộ; hệ thống văn bản qui phạm pháp luật về chống hàng giả, hàng nhái chưa được đầy đủ, còn bất cập, còn chồng chéo, các chế tài xử lý vi phạm còn chưa đủ mạnh...

Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống hàng giả, hàng nhái trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trong thời gian tới cần quan tâm thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần nâng cao vai trò, nhận thức của cấp ủy, lãnh đạo các cấp trong công tác đấu tranh chống hàng giả, hàng nhái; tăng cường công tác kiểm tra,

kiểm soát và xử lý vi phạm các hành vi buôn bán, kinh doanh, vận chuyển trái phép hàng giả hàng nhái, phải được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Thứ hai, tiếp tục quan tâm, đẩy mạnh công tác phối hợp và tổ chức kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, làm tốt hơn nữa công tác dự báo tình hình, kịp thời phát hiện những vấn đề nổi cộm phát sinh để có phương án ứng phó, nhất là những phương thức, thủ đoạn mới của các đối tượng buôn bán hàng giả, hàng nhái.

Thứ ba, chú trọng đến công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng với nhau và giữa các lực lượng chức năng với các doanh nghiệp trong việc phát hiện, ngăn chặn hàng giả, hàng nhái. Tăng cường mối liên hệ giữa doanh nghiệp và các cơ quan thực thi pháp luật nhằm phối hợp khi cần thiết. Chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp kiểm tra, tập trung vào những địa bàn lớn nơi phát luồng hàng hóa, xây dựng kế hoạch kiểm tra đột xuất theo chuyên đề tập trung vào các mặt hàng có giá trị lớn nguy cơ bị làm giả cao.

Thứ tư, đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân nhằm nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Tuyên truyền sâu rộng các tác hại của hàng giả hàng nhái và không tiếp tay cho các đối tượng buôn lậu vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ hải quan, tiếp cận được xu hướng hội nhập, nâng cao phẩm chất đạo đức của cán bộ công chức trong thực thi nhiệm vụ phòng ngừa và ngăn chặn tình trạng cán bộ công chức tiếp tay cho các đối tượng gian lận thương mại.

Thứ năm, đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trang bị kiến thức, kỹ năng thực hành công nghệ thông tin cho lực lượng làm công tác kiểm soát hàng giả, hàng nhái; đặc biệt là tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong các khâu kiểm tra, giám sát và phát hiện hàng giả, hàng nhái, nhằm giảm tải được khối lượng công việc, tiết kiệm hơn thời gian và nâng cao được hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới./.

THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ, NHIỆM VỤ THIẾT THỰC TRONG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 05/NQ-TU NGÀY 22/5/2022 CỦA BCH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TĨNH

ThS: Bùi Đắc Thế, Chủ tịch Hội Tin học Hà Tĩnh

Theo tài liệu “Thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế số ở Việt Nam” (*Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội Quốc gia – Bộ Kế hoạch và Đầu tư*), **kinh tế số là các hoạt động kinh tế có sử dụng thông tin số, công nghệ số, dữ liệu số... để tăng năng suất lao động**. Nền kinh tế số Việt Nam mặc dù chỉ mới phát triển trong một vài thập kỷ gần đây nhưng đã có những bước phát triển mạnh mẽ, ở một số lĩnh vực có sự phát triển mang tính đột phá, đồng thời tạo ra nền tảng làm thay đổi phương thức quản lý, phương thức hoạt động, làm xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh mới ở nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế. Nhiều doanh nghiệp công nghệ số ra đời nhanh chóng. Năm 2021, cả nước có hơn 64.000 doanh nghiệp công nghệ số, tăng 9,5% so với năm 2020 (58.000 doanh nghiệp). Năm 2021 được coi là năm ghi dấu ấn của các doanh nghiệp công nghệ số trong việc chung tay phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế. Đến 2030, cả nước đang phấn đấu đạt 100.000 doanh nghiệp công nghệ số, theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam (*tuương đương 01 DN CNS/1000 dân*)

Ở Hà Tĩnh, thực hiện Nghị quyết 05/NQ-TU ngày 22/5/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyên đổi số tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, “đến năm 2030 kinh tế số phổ biến và tham gia vào hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh; phần lớn các doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh”, thì việc phát triển nhanh về doanh nghiệp công nghệ số là điều tất yếu. Trong khi đó, tại thời điểm hiện tại, qua khảo sát thực tế, chưa có đến 100 doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn. Nếu theo Chỉ thị 01/CT-TTg nêu trên và với tỷ lệ 1 doanh nghiệp số/1000 dân, thì năm 2030, Hà Tĩnh cần có 1300 doanh nghiệp công nghệ số, gấp 13 lần con số hiện tại. Rõ ràng câu chuyện phát triển doanh nghiệp công nghệ số là hết sức cần thiết, bởi nó gắn kèm với phát triển kinh tế số. Điều đó buộc chúng ta cần quan tâm nhiều hơn nữa về môi trường thúc đẩy phát triển dành cho loại hình doanh nghiệp này, đó cũng chỉ mới một phần trong hệ sinh thái ưu tiên dành cho phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

Theo các tài liệu, doanh nghiệp công nghệ số là quá trình thay đổi từ mô hình kinh doanh truyền thống sang kinh doanh trên nền tảng số bằng cách áp dụng công nghệ mới như: dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud),... thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty. Công nghệ số giúp xóa khoảng cách giữa các phòng ban trong doanh nghiệp; Tăng cường sự minh bạch và hiệu quả trong hệ thống quản trị doanh nghiệp; tối ưu hóa năng suất; nâng cao khả năng cạnh tranh. Nó làm thay đổi từ cách thức quản lý, điều hành, quá trình sản xuất,... từ phương pháp truyền thống sang phương thức ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất một cách toàn diện và thực hiện kinh doanh không cần khách hàng

phải đi tới tận cửa hàng mới có thể mua được mặt hàng mình mong muốn. Cũng không cần có cửa hàng mà bạn vẫn có thể kinh doanh được mọi thứ. Nó đem lại rất nhiều lợi ích cho cả người bán và người mua. Giúp tiết kiệm chi phí và đem lại rất nhiều lợi nhuận.

Môi trường dành cho loại hình doanh nghiệp này, cũng bao gồm 02 vấn đề chung, đó là:

1. Môi trường bên ngoài của doanh nghiệp (Môi trường vĩ mô: Môi trường vĩ mô (hay môi trường xã hội) là tập hợp các yếu tố có ảnh hưởng đến các quyết định chiến lược và sự tồn tại trong dài hạn của doanh nghiệp, gồm bốn nhóm môi trường chính: (i) môi trường kinh tế; (ii) môi trường chính trị – pháp luật; (iii) môi trường văn hóa xã hội; (iv) môi trường công nghệ) và Môi trường ngành: Môi trường ngành (hay môi trường nhiệm vụ) là môi trường ngành kinh doanh mà doanh nghiệp đang hoạt động trong đó; gồm nhiều yếu tố: khách hàng; nhà cung cấp; đối thủ cạnh tranh...

2. Môi trường bên trong hay nội bộ doanh nghiệp: Môi trường bên trong doanh nghiệp gồm tất cả các vấn đề, sự kiện, các xu hướng,... nằm trong ranh giới của doanh nghiệp; chịu sự kiểm soát của doanh nghiệp và có thể bị thay đổi hoặc sửa đổi bởi doanh nghiệp. Môi trường bên trong doanh nghiệp bao gồm các nguồn lực về con người, tài chính, công nghệ, sản phẩm, giá, kênh phân phối, xúc tiến quảng cáo, văn hóa Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu suất của doanh nghiệp.

Tuy nhiên môi trường thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số có sự khác biệt rõ là ở môi trường công nghệ (ở đây là công nghệ số) và môi trường văn hóa (ở đây là văn hóa số), bên cạnh đó là sự tác động của nền kinh tế số và hệ thống văn bản liên quan của cuộc cách mạng 4.0 (yếu tố pháp lý-chính trị).

Trong bài tham luận này, chỉ đề cập đến một số vấn đề thuộc về môi trường bên ngoài thúc đẩy/tác động phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn như môi trường kỹ thuật công nghệ (hạ tầng, an toàn thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm...), môi trường văn hóa số (nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số; nhận thức về kinh tế số, doanh nghiệp số, phát triển kinh tế số...), và một phần về môi trường kinh tế- chính trị (một số văn bản, chính sách liên quan); chưa đề cập đến các yếu tố khác

Qua khảo sát 63 doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước thì các doanh nghiệp trên địa bàn được khảo sát đều kết nối internet, có các thiết bị và phần mềm thông dụng. Đó là máy tính (để bàn, xách tay, bảng), smartphone mục đích tìm kiếm thông tin trên internet, trao đổi thông tin, quảng cáo, tiếp thị, sử dụng dịch vụ tài chính, tiếp nhận đơn hàng...; cùng với đó là sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản; Thư điện tử; Trao đổi nội bộ (Chat); Quản lý nhân sự tiền lương; Quản lý kho, vật tư; Quản lý kế toán, tài chính. Một số ít đơn vị sử dụng thêm các phần mềm Quản lý khách hàng; Quản lý chuyên dùng; Phần mềm điều khiển thiết bị; Quản lý nguồn lực; Quản lý tài sản; Quản lý văn bản và điều hành. 100% các đơn vị đã sử dụng thanh toán trực tuyến; 74% các đơn vị đã có hệ thống Website riêng

của đơn vị mình; 78.57% các doanh nghiệp đều có nhân viên, kỹ thuật viên CNTT thực hiện việc hỗ trợ..., Các đơn vị đều quan tâm đến lĩnh vực chuyển đổi số, nhưng đang còn lúng túng trong cách tiếp cận.

Bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như: Một số doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến việc đào tạo và nâng cao trình độ CNTT; an toàn thông tin; về chuyên đổi số, kỹ năng số; về sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Hạ tầng thương mại điện tử còn hạn chế; tiếp cận dịch vụ số, công nghệ số, trang bị hạ tầng đáp ứng nhu cầu còn chưa đầy đủ. Hạ tầng an toàn thông tin chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, các hệ thống phần mềm ứng dụng chưa có hệ thống bảo vệ, việc tìm kiếm thông tin về các chương trình, dự án kêu gọi đầu tư của nhà nước chưa được đầy đủ và thường xuyên... Công tác tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng số; tập huấn phổ biến các dịch vụ công, dịch vụ số trên mạng hoặc kiến thức thương mại điện tử cho các doanh nghiệp đang còn ít. Các cơ quan nhà nước còn khó khăn, vướng mắc về nguồn kinh phí, sự quan tâm của người đứng đầu cơ quan, sự phối hợp các bên liên quan, sự làm chủ công nghệ, kỹ thuật...khi triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo lĩnh vực quản lý.

Như vậy, về môi trường kỹ thuật công nghệ (như hạ tầng, an toàn thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm...), về môi trường văn hóa số (nhận thức về chuyên đổi số, kỹ năng số; nhận thức về kinh tế số, doanh nghiệp số, phát triển kinh tế số...), đang thực sự là thách thức cho các doanh nghiệp trên địa bàn trong việc chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp công nghệ số và kinh tế số. Sự quan tâm về môi trường pháp lý để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số cũng có những hạn chế nhất định

Để thực sự tạo lập môi trường phát triển doanh nghiệp công nghệ số, trong phạm vi đã nêu trên, đề xuất triển khai một số nội dung sau:

:+ Phát triển doanh nghiệp công nghệ số không thể tách rời quá trình chuyển đổi số trong các doanh nghiệp. Vì vậy cần có Đề án “Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số” trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm các nội dung: Công tác thông tin, tuyên truyền; Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai chuyển đổi số; Hỗ trợ xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp; Đào tạo chuyên gia tư vấn kinh tế số và chuyển đổi số doanh nghiệp trực thuộc Sở TTTT (Trung tâm CNTT-TT); Triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kinh tế số...

+ Nghiên cứu đề xuất danh mục nền tảng số hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số trong phát triển kinh tế số và danh mục nền tảng hỗ trợ cho doanh nghiệp chuyển đổi số; xây dựng Danh mục các nhóm nền tảng số mà các doanh nghiệp cần là các lĩnh vực Quản trị và nghiệp vụ quản lý; Khách hàng và thị trường; Hạ tầng công nghệ và an ninh mạng; nghiệp vụ chuyên ngành. Hỗ trợ trên 80% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử (theo Nghị quyết 05/NQ-TU ngày 22/5/2022 của BCH

Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030);

+ Có cơ chế hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực về chuyển đổi số, kinh tế số bằng việc xây dựng Kế hoạch đào tạo về chuyển đổi số, kinh tế số cho các doanh nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025, sử dụng nguồn ngân sách về đào tạo của tỉnh.

+ An toàn, an ninh mạng là trọng tâm của quá trình chuyển đổi số, là trụ cột quan trọng tạo lập niềm tin số và sự phát triển của kinh tế số; tạo lập và duy trì môi trường mạng an toàn, lành mạnh, tạo niềm tin cho các doanh nghiệp và khách hàng trong hoạt động kinh tế số. Vì vậy, cần có nguồn lực (nhân lực, kinh phí) và điều kiện để triển khai hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh mạng dành cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp công nghệ số nói riêng.

+ Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghệ số khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh được hưởng như là đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ

+ Trước mắt cần thực hiện tốt 3/12 giải pháp quan trọng mà chỉ thị 01/CT-TTg đã nêu ra, đó là: (1) Xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030.(2) Xác lập 01 đầu mối ở tỉnh và 01 đầu mối ở mỗi địa phương để thực hiện việc tổng hợp, điều phối, tổ chức hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghệ số.(3) Xây dựng chính sách, giải pháp tạo lập thị trường cho các doanh nghiệp công nghệ số bao gồm các doanh nghiệp khởi nghiệp trong xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án về chính phủ điện tử, chuyển đổi số, đô thị thông minh, y tế thông minh, nông nghiệp thông minh,...

Làm tốt và hiệu quả những vấn đề nêu trên, hy vọng sẽ có một bước phát triển mới về doanh nghiệp công nghệ số, gia tăng tỷ lệ kinh tế số, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/5/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030./.

Thực trạng và giải pháp thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên tại Trường Đại học Hà Tĩnh

Trường Đại học Hà Tĩnh

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, sự chuyển dịch từ nền kinh tế truyền thống sang nền kinh tế số trong khoảng hơn một thập niên trở lại đây đã và đang mang lại những chuyển biến tích cực trên mọi phương diện của đời sống kinh tế - xã hội. Vấn đề khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo không còn nằm trên các chủ trương, các văn bản, các diễn đàn, mà thực sự đã trở thành mục tiêu hành động của các cơ quan, doanh nghiệp, của mọi tổ chức, cá nhân.

Trong bối cảnh chung đó, tỉnh Hà Tĩnh cũng xác định khoa học - công nghệ, đổi mới, sáng tạo là nền tảng, động lực của phát triển bền vững, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu mới của khoa học - công nghệ; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Trường đại học với vai trò tiên phong thực hiện sứ mệnh thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua việc cung cấp cho xã hội những nhân lực được trang bị tư duy và kỹ năng cần thiết cùng các kết quả nghiên cứu mang tính ứng dụng. Các trường đại học tại Việt Nam nói chung và Đại học Hà Tĩnh nói riêng cũng đã bắt tay vào phát triển đội ngũ giảng viên nguồn khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, đây là đội ngũ giảng viên đến từ các khoa quản trị kinh doanh, đổi mới sáng tạo của Nhà trường. Là trường Đại học duy nhất của tỉnh Hà Tĩnh, Trường Đại học Hà Tĩnh đã xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho cán bộ, giảng viên và học sinh sinh viên.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày một số vấn đề cơ bản về thực trạng và giải pháp thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên tại Trường Đại học Hà Tĩnh.

1. Một số kết quả đã đạt được

Với mục đích thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên, tự tạo việc làm và trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho sinh viên trong thời gian học tập tại trường; Tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường, từng bước hình thành, xây dựng Quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp trong Nhà trường, trường Đại học Hà Tĩnh đã có nhiều giải pháp thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tổ chức các chương trình tập huấn khởi nghiệp cho hàng ngàn sinh viên như:

+ Tổ chức thành công diễn đàn “Sở hữu trí tuệ - sáng chế - khởi nghiệp.

+ Phối hợp với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam tổ chức thành công 3 khóa học “Ươm mầm ý tưởng khởi nghiệp”, cho hơn 500 học sinh sinh viên trên địa bàn nhằm tuyên truyền, cổ vũ tinh thần khởi nghiệp trong đoàn viên thanh niên, cung cấp thêm kiến thức, kinh nghiệm hỗ trợ cho các ý tưởng khởi nghiệp, làm cơ sở kết nối thành lập cộng đồng khởi nghiệp trẻ trong tỉnh.

+ Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm Tư vấn Du học và Khởi nghiệp nhằm tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, hỗ trợ, kết nối giúp sinh viên tham gia các chương trình thực tập sinh 01 năm tại Thái Lan, Đài Loan hay Israel.

+ Tổ chức cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp tham gia các lớp đào tạo, tập huấn để nâng cao phương pháp giảng dạy và kỹ năng làm việc với sinh viên nhằm thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp trong sinh viên.

+ Phối hợp với các tổ chức, cá nhân đồng hành cùng Nhà trường xây dựng chương trình, hệ thống đào tạo, hệ thống kết nối Nhà trường với doanh nghiệp trong việc triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng lồng ghép các môn học khởi nghiệp, các kỹ năng khởi nghiệp vào chương trình chính khóa hoặc ngoại khóa một cách phù hợp để giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có đầy đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc đủ năng lực vận hành các dự án khởi nghiệp.

+ Tổ chức các buổi trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, xây dựng dự án khởi nghiệp theo yêu cầu, theo đặt hàng của doanh nghiệp nhằm tạo môi trường, tạo động lực, thúc đẩy tinh thần, khuyến khích sinh viên khởi nghiệp, khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.

+ Thành lập Câu lạc bộ Khởi nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp.

+ Xây dựng Quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp từ nguồn kinh phí xã hội hóa; hỗ trợ tìm kiếm, kết nối, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, các nhà tài trợ, nhà đầu tư đối với các dự án được hình thành từ các ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên;

Với sự quan tâm của Nhà trường, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các tổ chức, đoàn thể trong Nhà trường phong trào khởi nghiệp của sinh viên ngày càng phát triển.

Năm 2019, 06 ý tưởng, mô hình, giải pháp của sinh viên Đại học Hà Tĩnh đã tham dự cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo Hà Tĩnh”, trong đó có 01 ý tưởng lọt top 10 ý tưởng xuất sắc nhất và đạt giải khuyến khích.

Năm 2020, 01 ý tưởng của sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh đã tham dự vòng sơ khảo cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo Hà Tĩnh”.

Năm 2021, có 12 ý tưởng vào vòng Chung kết cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo Hà Tĩnh”, trong đó trường Đại học Hà Tĩnh có 03 ý tưởng. Kết quả: có 02 đạt giải Khuyến khích, 01 dự án vào nhóm Tiềm năng.

Năm 2022, từ hơn 200 ý tưởng được các bạn sinh viên đề xuất, các giáo viên hướng dẫn đã lựa chọn 11 ý tưởng phát triển thành các dự án. 4 dự án hoàn

thiện nhất tham gia vòng sơ khảo, 1 dự án lọt vào chung kết cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo Hà Tĩnh năm 2022”

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên về hỗ trợ khởi nghiệp học tập nâng cao trình độ chuyên môn để trực tiếp giảng dạy các chuyên đề về khởi nghiệp, tinh thần doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo, đổi mới xã hội tại trường, hỗ trợ sinh viên phát triển ý tưởng trên tinh thần đổi mới sáng tạo, tư vấn, hỗ trợ sinh viên các giải pháp để nâng cao hàm lượng khoa học công nghệ trong các dự án, ý tưởng của sinh viên. Đến thời điểm này, đã có hơn 40 lượt giảng viên được tham gia các dự án, các lớp tập huấn, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng, đào tạo nguồn giảng viên khởi nghiệp do các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện.

2. Những khó khăn trong triển khai hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

Mặc dù Nhà trường đã có rất nhiều cách làm phong phú, hiệu quả công việc thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, sáng tạo khởi nghiệp trong sinh viên còn một số khó khăn như:

+ Việc tổ chức các hoạt động khởi nghiệp và sáng tạo cho sinh viên còn hạn chế, việc kết nối với các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp còn thiếu chủ động. Hoạt động khởi nghiệp và sáng tạo không nằm trong chương trình đào tạo nên việc bố trí thời gian cho sinh viên tham gia còn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, còn thiếu kinh phí hỗ trợ các hoạt động và hỗ trợ cho sinh viên.

+ Nguồn kinh phí để thực hiện còn hạn chế và chưa huy động được nhiều sự hỗ trợ của các tổ chức, đơn vị ngoài trường tham gia hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp

+ Tài liệu về khởi nghiệp còn hạn chế do đó sinh viên chưa có nhiều điều kiện để phát huy khả năng của mình.

+ Cán bộ làm công tác hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp vẫn còn thiếu, chủ yếu làm việc kiêm nhiệm.

+ Chưa lan tỏa sâu rộng, không phải sinh viên nào cũng hào hứng với các hoạt động học tập hay khởi nghiệp sáng tạo.

3. Các giải pháp thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên tại Trường Đại học Hà Tĩnh

Để phong trào khởi nghiệp sáng tạo thực sự có sức lan tỏa mạnh và phát triển mạnh mẽ, mang đến hiệu quả thiết thực đối với sinh viên, chúng tôi xin có một số kiến nghị, đề xuất như sau:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tổ chức nhiều các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho cán bộ làm công tác Khởi nghiệp ở các Trường Đại học, Cao đẳng.

- Tổ chức tham quan học tập các mô hình hay về khởi nghiệp tại các cơ sở giáo dục đào tạo trong nước.

- Cần triển khai mạnh mẽ Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” để đem lại một luồng sinh khí mới, sự hào hứng cho học sinh, sinh viên đam mê nghiên cứu khoa học, khát khao khởi nghiệp ngay từ lúc còn ngồi trên ghế Nhà trường.

- Tỉnh Hà Tĩnh cần xây dựng tài liệu/ cẩm nang về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho các nhóm đối tượng.

- Tỉnh cần có chủ trương hỗ trợ, giao nhiệm vụ cho Trường ĐH Hà Tĩnh xây dựng giáo trình, bài giảng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho các nhóm đối tượng mục tiêu chủ yếu: giáo viên các bậc học, phụ nữ, nông dân, thanh niên, học sinh, học sinh.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch đưa môn học về Khởi nghiệp từng bước trở thành môn học bắt buộc cho các ngành khối kỹ thuật, kinh tế và là môn tự chọn cho các ngành khác.

- Trong quá trình triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo cần chú ý vấn đề đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy theo hướng mở (cho phép cập nhật thường xuyên về kiến thức trong và ngoài nước, sử dụng giáo trình, học liệu trong nước hoặc ngoài nước một cách linh hoạt để giảng dạy cho người học. Cần chuyển từ hình thức học chủ yếu ở trên lớp sang hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, hướng nghiệp làm tăng tư duy sáng tạo cho sinh viên.

- Nhà trường cần thành lập Hội đồng tư vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để tham vấn, tư vấn cho Hiệu trưởng, xây dựng chiến lược, kế hoạch triển khai các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Trường.

- Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm trao đổi nhằm giới thiệu, trang bị cho sinh viên những phương pháp học tập hiện đại, xây dựng mục tiêu thái độ học tập, nghiên cứu đúng đắn; kết hợp với việc giao lưu giữa sinh viên với những người thành công trong học tập, NCKH, từ đó thấp sáng ước mơ, hoài bão trong sinh viên.

- Tăng cường phối hợp giữa các tổ chức trong trường như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các phòng ban chức năng phát huy vai trò của giảng viên trẻ trong việc đồng hành cùng sinh viên tham gia các hoạt động khởi nghiệp. Đa dạng hoá về nội dung, hình thức các sân chơi kiến thức, giáo dục kỹ năng nhằm thu hút sinh viên tham gia, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức, duy trì hiệu quả các câu lạc bộ Khởi nghiệp.

- Cần tranh thủ sự ủng hộ các nguồn lực từ Bộ GD&ĐT, sở KH&CN cũng như các quỹ đầu tư phát triển khác nhằm hỗ trợ và thúc đẩy các ý tưởng được triển khai thành các dự án khởi nghiệp.

4. Kết luận

Tương lai của đất nước nằm trong tay của thế hệ trẻ trong đó có sinh viên, chính vì vậy cần phải tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên thực hiện nhiệm vụ quan

trọng hàng đầu đó là học tập, chỉ có học tập, sáng tạo sinh viên mới có thể làm chủ được tri thức, công nghệ, khoa học kỹ thuật hiện đại, từ đó đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lập thân, lập nghiệp, trở thành những công dân có ích đối với xã hội. Trường Đại học Hà Tĩnh luôn đồng hành nhằm giúp sinh viên vững bước trên con đường lập thân lập nghiệp. Tuy nhiên, yếu tố cốt lõi vẫn là tính chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh, sinh viên. “Không có tinh thần khởi nghiệp thì không thể khởi nghiệp, không khởi nghiệp thì không thể có khởi nghiệp thành công”.

Trên đây là một số ý kiến của chúng tôi với chủ đề “thực trạng và giải pháp thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên”.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG TẠI HÀ TĨNH

Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh

Công nghệ sinh học (CNSH) là một lĩnh vực công nghệ cao để sản xuất ở quy mô công nghiệp các sản phẩm sinh học có chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. CNSH gắn liền với đời sống con người, có tác động to lớn đến chất lượng sống, tăng trưởng và phát triển bền vững của toàn xã hội. Nhiều quốc gia đã coi CNSH là công nghệ hàng đầu, nhờ vậy đã trở thành các nước phát triển và có nhiều thành tựu đột phá. Ngày nay, CNSH đã trở thành nhân tố tạo ra các thay đổi đặc biệt trong lĩnh vực sinh học và môi trường.

Trong thời gian qua, phát triển CNSH được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành và đi vào cuộc sống, đặc biệt là Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và Kết luận số 06-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX, việc ưu tiên đẩy mạnh phát triển CNSH là một chủ trương đúng đắn, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, tiền đề giúp giải quyết những vấn đề bức thiết đang đặt ra đối với sản xuất và đời sống.

Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN đã được UBND tỉnh, Sở KH&CN đầu tư xây dựng xưởng sản xuất chế phẩm sinh học với hệ thống dây chuyền thiết bị đồng bộ, hiện đại; làm chủ công nghệ sản xuất từ khâu phân lập giống gốc và đã sản xuất thành công 4 nhóm chế phẩm ứng dụng trong nông nghiệp và môi trường:

- Nhóm chế phẩm xử lý môi trường chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp, rác thải sinh hoạt, gồm: Hatimic: xử lý mùi hôi, phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón, Bio-Ra: xử lý gốc rạ tại ruộng; Hatibio, Hatimic-CN: xử lý môi trường chăn nuôi, rác thải sinh hoạt. Bộ chế phẩm này đã được cấp phép lưu hành trong xử lý chất thải số 03/LH-CPSHMT cho Hatimic và số 02/LH-CPSHMT cho Hatibio ngày 22/01/2020 của Tổng Cục Môi Trường/ Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nhóm chế phẩm bảo vệ thực vật trong trồng trọt, gồm: HT- Biogreen: phân giải các tồn dư của thuốc bảo vệ thực vật trong đất; HT Nấm xanh: phòng trừ rầy nâu hại lúa, sâu rệp hại rau màu và cây ăn quả; HT-Tricho: ngăn ngừa các loại nấm bệnh hại cây trồng; HT-Mycorrhiza: kích thích bộ rễ cho cây trồng.

- Nhóm chế phẩm dùng trong nuôi trồng thủy sản, gồm: HT- Biomic chế phẩm xử lý môi trường ao nuôi thủy sản; HT- Bioseafood chế phẩm dạng men tiêu hóa kích thích đường ruột cho tôm, cá; HT- Bioplus chế phẩm xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản. Ba chế phẩm này đã được chứng nhận hợp quy và đã được Tổng cục thủy sản cấp mã lưu hành.

- Nhóm chế phẩm xử lý môi trường làng nghề, gồm: HT-Envi: xử lý nước thải chế biến thủy hải sản. HT-BM: xử lý nước thải cơ sở sản xuất bún miến.

Chỉ tính riêng chế phẩm Hatimic từ năm 2020 – 2022, Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN đã cung ứng ra thị trường 400.000 gói (0,2kg/gói, tương

đương 80 tấn chế phẩm) giúp người dân tái sử dụng phụ phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, rác thải sinh hoạt sản xuất được xấp xỉ 200.000 tấn phân hữu cơ, tiết kiệm được 200 tỷ đồng tiền mua phân bón (1 gói Hatimic ủ được 0,5 tấn phân hữu cơ), giúp người dân giảm tải chi phí mua phân bón, nâng cao hiệu quả kinh tế cho trồng trọt. Hàng ngàn lít chế phẩm xử lý môi trường chăn nuôi, làm đệm lót sinh học, xử lý mùi hôi điếm tập kết rác thải sinh hoạt, xử lý rác thải đã được ứng dụng vào để xử lý môi trường hiệu quả, các nhà máy xử lý rác (nhà máy xử lý rác Phú Hà, Kỳ Tân, Kỳ Anh), bãi tập kết rác thải (huyện Đức Thọ, Hương Sơn, Can Lộc..) và trên 3.000 trang trại, hộ chăn nuôi đã sử dụng chế phẩm để xử lý mùi hôi rác thải sinh hoạt, công trình chăn nuôi, nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Một số công ty, cơ sở tại Hà Tĩnh đã sử dụng chế phẩm Hatimic để sản xuất phân bón từ phế thải của các trang trại chăn nuôi, than bùn, bèo, phụ phẩm nông nghiệp... cung cấp các loại phân bón hữu cơ vi sinh chất lượng, đặc biệt là trong thời điểm giá phân bón leo thang như hiện nay.

Việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng CPSH vào sản xuất góp phần nâng cao ý thức và kiến thức kỹ thuật cho người dân trong việc bảo vệ môi trường, tái sử dụng các phế thải nông nghiệp, gắn với nông nghiệp tuần hoàn theo hướng hữu cơ. Hiện nay khi giá phân bón tăng cao, việc ứng dụng CPSH trong nông nghiệp tuần hoàn là giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân, giảm áp lực về chi phí mua phân bón. Thông qua việc tư vấn hỗ trợ xây dựng mô hình trồng cây ăn quả và ứng dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất phân bón đã giúp cho HTX Nông nghiệp Gia Phúc (Can Lộc, Hà Tĩnh) được chứng nhận mô hình sản xuất nông nghiệp đạt chuẩn hữu cơ vào năm 2022 (đây là mô hình đầu tiên của Hà Tĩnh được chứng nhận đạt chuẩn hữu cơ).

Nhận thấy rằng, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn tỉnh là cần thiết, nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, xây dựng nền nông nghiệp sạch, an toàn, bền vững, bảo vệ sức khỏe người sản xuất và tiêu dùng, bảo vệ môi trường và phát triển các loại hình sản xuất trên địa bàn. Vì vậy, trong thời gian tới, Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN sẽ tiếp tục chuyển giao, phổ biến các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, hướng dẫn quy trình sản xuất cho người dân trên địa bàn tỉnh đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Phối hợp với các ngành và các địa phương tổ chức tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn người dân ứng dụng các chế phẩm sinh học vào xử lý môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và xử lý các phế phẩm trong trồng trọt như rơm rạ, phế thải hữu cơ, xử lý chất thải trong chăn nuôi, xử lý chất thải trong chế biến nông, lâm, thủy sản, từ đó tạo ra nguồn phân bón hữu cơ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường. Và Trung tâm cam kết có đủ năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường trong tỉnh, tạo điều kiện cho các sản phẩm khoa học công nghệ được gắn với thực tiễn sản xuất tại địa phương./.

THAM LUẬN
Ứng dụng Khoa học công nghệ phát triển các sản phẩm
trên địa bàn Thành phố

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Hôm nay, về tham dự Hội nghị Tổng kết ngành Khoa học và Công nghệ năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023; lời đầu tiên, thay mặt Lãnh đạo Thành phố Hà Tĩnh, xin được gửi tới đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh cùng toàn thể lãnh đạo, cán bộ ngành khoa học và công nghệ và đại biểu có mặt ngày hôm nay lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công; chúc mừng những ngành khoa học và công nghệ về những kết quả đạt được trong năm vừa qua.

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Với vai trò, vị trí là Trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của Tỉnh; Thành phố Hà Tĩnh có nhiều thuận lợi hơn so với các địa phương khác, đặc biệt là về nguồn nhân lực chất lượng cao, do đó, Đảng bộ và chính quyền Thành phố luôn xác định ứng dụng khoa học công nghệ là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trên mọi ngành, mọi lĩnh vực. Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ luôn được quan tâm, cơ chế quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ được đổi mới theo chiều hướng thông thoáng hơn, hiệu quả hơn. Hoạt động ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ đã được đặt hàng và đạt kết quả bước đầu trên các lĩnh vực như: ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nông thôn, nông nghiệp; chuyển đổi số để xây dựng đô thị thông minh... lồng ghép nhiều nguồn vốn theo hướng xã hội hóa để ứng dụng khoa học và công nghệ và gắn kết với sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã...

Những năm qua, được sự chỉ đạo, quan tâm, giúp đỡ, đồng hành, hỗ trợ của UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan, đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ; Thành phố đã tập trung trong việc ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển sản phẩm của Thành phố; bước đầu đã đạt được một số kết quả tiêu biểu như:

Một là, Thành phố đã được Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ trong Dự án Ứng dụng KH và CN nhân rộng, phát triển các giống sen theo chuỗi giá trị. Đến nay, từ 03 giống sen trên diện tích thử nghiệm 03ha đã phát triển được hơn 30 giống sen trên địa bàn và diện tích đã mở rộng lên hơn 14ha tại các xã Đồng Môn, Thạch Hưng, Văn Yên, Thạch Linh; sắp tới sẽ mở rộng liên kết hơn 7ha nữa, nâng tổng diện tích trồng sen trên địa bàn Thành phố lên hơn 21ha. Đã chế biến được một số sản phẩm từ Sen như: Trà Sen, Trà Lá sen, hạt sen tươi, hạt sen sấy, bột củ sen, miến củ sen... các sản phẩm được xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu gắn với sự tích sen nở trong một đêm tại Hào Thành và đặt thương hiệu là “Sen Hào Thành”. Vừa làm đa dạng sản phẩm trên địa bàn, vừa khôi phục, phát huy văn hóa, lịch sử Thành Sen.

Hai là, ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển các sản phẩm rau, củ, quả: Thành phố đã chỉ đạo xây dựng 02 Dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, củ, quả theo hướng hữu cơ và tiêu chuẩn VietGAP: tại xã Đồng Môn với tổng diện tích gần 8ha (của HTX Thanh Niên Thành Sen và Hợp tác xã Bình Minh); 01 dự án sản xuất dưa lưới và rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao tại xã Thạch Hạ của HTX rau, củ quả và Dịch vụ tổng hợp Thạch Hạ với quy mô 01ha nhà lưới. Các Dự án này đều ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm và bón phân tự động; có hệ thống theo dõi, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, độ PH và một số chỉ số khác của đất đai, môi trường, sâu bệnh. Dự kiến trong năm 2023, sau khi thu thập đủ dữ liệu sẽ có 02 hợp tác xã hoàn thành việc chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Ba là, Trong nuôi trồng thủy sản, UBND Thành phố đã chỉ đạo xây dựng Dự án thí điểm nuôi tôm công nghệ cao 3 giai đoạn ứng dụng công nghệ vi sinh trong nhà kính với diện tích 1ha. Qua 1 năm thực hiện, đã thực hiện thành công nuôi 3 tôm thâm canh 3 vụ/năm, đặc biệt có thể nuôi tôm trong vụ Đông mà tốc độ sinh trưởng vẫn bình thường; không phát sinh dịch bệnh, tổng mức đầu tư phù hợp với các HTX có năng lực tài chính thấp hoặc bình thường. Doanh thu đạt hơn 5 tỷ/ha. Đến nay cơ sở thứ 2 đã và đang đầu tư và dự kiến đưa hoàn thành và đưa vào hoạt động trong Quý I, năm 2023.

Bốn là, Gắn với phát triển làng nghề truyền thống bánh đa nem thôn Bình, xã Thạch Hưng, Thành phố đã chỉ đạo nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vào sản xuất bánh đa nem để đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị. Đến nay, đã có 02 dây chuyền công nghệ là sấy nóng và sấy lạnh được đưa vào sử dụng. Trong năm 2023 sẽ ứng dụng công nghệ sấy bằng năng lượng mặt trời trong nhà kính. Việc ứng dụng công nghệ đã góp phần hoàn thiện sản phẩm bánh đa nem đảm bảo tiêu chuẩn, có 02 cơ sở đã tham gia OCOP và đạt *, ngoài ra đã đảm bảo tiêu chuẩn và xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc. Hiện nay, Thành phố đang tiếp tục nhân rộng các mô hình và đặc biệt đang được Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm Bánh đa nem Hà Tĩnh bánh đa nem không chỉ là sản phẩm của Thành phố mà còn là sản phẩm đặc trưng của cả tỉnh Hà Tĩnh được bảo hộ theo quy định.

Năm là, *Ứng dụng công nghệ cao liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị:* Trong năm 2022, UBND thành phố đã chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã từng bước liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, xây dựng thành công hệ thống của hàng Thành Sen mart với hệ thống nhận diện thương hiệu riêng để hoàn thiện chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ đối với sản phẩm sản xuất trên địa bàn Thành phố.

Ngoài ra, các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn Thành phố đã tích cực ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất đưa lại hiệu quả kinh tế cao, đóng góp và quá trình tăng trưởng kinh tế thành phố Hà Tĩnh; cụ thể một số doanh nghiệp đã sử dụng các dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại như: Ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào gia công nội thất (máy cắt gỗ CNC MD1325-ATC) của Công ty Quảng cáo và nội thất Quốc Cường; dây chuyền sản xuất tự

động chăn, ga, gô, nệm ứng dụng công nghệ cao tại Cơ sở sản xuất Trọng Vân, dây chuyền sản xuất sản phẩm từ Trà Hương của CT TNHH TMDV Linh Trang; sản xuất bún khô và bún dinh dưỡng của Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ Hati... Đã góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH- HĐH...

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất sản phẩm là yếu tố vô cùng quan trọng và có thể nói là yếu tố quyết định trong việc nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm, giảm giá thành, tăng năng suất, qua đó giúp doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Năm 2023, Thành phố sẽ tiếp tục triển khai một số mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ mới như: Ứng dụng công nghệ mạ khay và cấy máy trong sản xuất lúa tại các vùng tích tụ, tập trung; ứng dụng công nghệ cấy nhân tế bào trong sản xuất Ngọc Trai; ứng dụng công nghệ cao nuôi cua 2 giai đoạn; nuôi cua, bào ngư trong hộp theo công nghệ tuần hoàn... và tiếp tục xây dựng các sản phẩm gắn với thương hiệu “Thành Sen”.

Để làm được điều đó, UBND Thành phố rất cần có sự tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh và sự đồng hành, giúp đỡ, hỗ trợ của các sở, ngành liên quan, đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ và cũng rất cần sự liên kết, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương khác. Thành phố sẽ nỗ lực hơn nữa trong công tác chỉ đạo, điều hành, bố trí nguồn lực để triển khai và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất sản phẩm.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Trên đây là báo cáo tham luận của UBND Thành phố; một lần nữa, xin được chúc mừng kết quả đạt được của ngành khoa học và công nghệ trong năm qua; kính chúc các đồng chí lãnh đạo và đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công./.

BÀI THAM LUẬN TẠI HỘI NGHỊ TỔNG KẾT NGÀNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Thị xã Kỳ Anh

Kính thưa:

- Các vị đại biểu tham dự hội nghị!

Trước hết, tôi xin nhất trí với báo cáo Tổng kết thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2022 trình tại hội nghị. Được sự cho phép của Ban Tổ chức Hội nghị, tôi xin được tham luận nội dung “ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ và quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường trên địa bàn”.

Kính thưa hội nghị!

Năm 2022 là năm thứ hai thị xã Kỳ Anh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ II và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; là năm triển khai nhiệm vụ trong bối cảnh có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn, thách thức của tình hình thế giới và trong nước; trên địa bàn, sụt giảm về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực, diễn biến thất thường của thời tiết, khó khăn vướng mắc trong thực hiện một số dự án đầu tư... đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự quan tâm hỗ trợ của tỉnh, sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành linh hoạt, chủ động của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng của Nhân dân và doanh nghiệp, công tác nghiên cứu triển khai KH&CN được đẩy mạnh, xuất hiện nhiều mô hình ứng dụng KH&CN cho hiệu quả cao. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ phát triển KH&CN được quan tâm đúng mức. Phong trào lao động sáng tạo diễn ra rộng khắp trên các ngành, lĩnh vực; hợp tác trong nghiên cứu triển khai, du nhập công nghệ, tiến bộ kỹ thuật và phát triển thị trường KH&CN đã và đang có những bước tiến mạnh mẽ.

1. Công tác ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ

Cụ thể đã tích cực tiếp thu và triển khai hiệu quả các chính sách về nông nghiệp của tỉnh, của thị xã để lồng ghép xây dựng các mô hình có hiệu quả, có nhiều biến chuyển tích cực:

- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đưa nhanh các tiến bộ KHKT vào sản xuất nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích. Hàng năm, phòng Kinh tế, Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi thị xã tổ chức nhiều đợt tập huấn cho bà con nông dân trên địa bàn thị về quy trình kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phòng trừ dịch bệnh; xây dựng các mô hình trình diễn đưa các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao vào áp dụng thử nghiệm trên địa bàn; tranh thủ các chương trình, dự án tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Kết quả một số mô hình ứng dụng hiệu quả: mô hình giống lúa SV181 quy mô 3 ha tại xã Kỳ Hoa, năng suất đạt 50 tạ/ha; mô hình sản xuất giống lạc L29 tại phường Kỳ

Thịnh, quy mô 5ha, các giống đưa vào sản xuất thử trên địa bàn đều có triển vọng để có thể cơ cấu vào sản xuất trên địa bàn; Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong việc xây dựng mô hình sản xuất và chế biến nấm Bào ngư, nấm mộc nhĩ, quy mô diện tích nhà xưởng 300m², với 10-15 ngàn bịch nấm của cơ sở sản xuất nấm Thương Huyền tại Thôn Hoa Trung xã Kỳ Hoa; ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ kỹ thuật, công nghệ chăn nuôi tiên tiến (chăn nuôi chuồng kín), đệm lót sinh học, sử dụng chế phẩm sinh học Hatimic trong xử lý chuồng trại và ủ phân, sử dụng công nghệ hệ thống làm mát trong chăn nuôi. Xây dựng khá thành công các mô hình nuôi trồng thủy sản như mô hình nuôi hàu sữa lồng bè, với quy 50 bè, sản lượng 50 tấn, giá bán 120 ngàn đồng/kg bước đầu cho thu nhập khá cho 20 hộ gia đình; mô hình nuôi cá Hồng Mỹ quy mô 10 lồng bè, với sản lượng đạt được năm 2022 là tấn; Đặc biệt, trong năm 2021, 2022 được sự quan tâm của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và công nghệ đã cho thị xã Kỳ Anh triển khai thực hiện dự án nuôi ốc hương thương phẩm tại vùng Nuôi Đồng Khẩu xã Kỳ Ninh, bước đầu cho thấy được sự phù hợp về điều kiện tự nhiên và các điều kiện khác để có thể thả nuôi đối tượng này tại vùng nuôi thị xã Kỳ Anh.

Trên địa bàn có 17 sản phẩm OCOP đạt chuẩn được công nhận, trong đó có 14 sản phẩm 3 sao và 3 sản phẩm 4 sao sản phẩm. Sản phẩm OCOP được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn; các chủ cơ sở đã từng bước nâng cao nhận thức, nhiều cơ sở đã được chỉnh trang nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phát triển sản xuất đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường; bao bì nhãn mác, quy cách đóng gói ngày càng hoàn thiện, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng; công tác xúc tiến thương mại được chú trọng, ... từ đó doanh số bán hàng của các sản phẩm OCOP đều tăng cao, bình quân tăng gần 40% so với trước khi tham gia Chương trình .

- Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ

Trong thời gian qua, nhiều dự án, mô hình ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ đã được triển khai thực hiện mang lại hiệu quả kinh tế cao²⁹, phần lớn là những sản phẩm được UBND tỉnh xét tặng danh hiệu sản phẩm Công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh.

Ngoài ra, nhiều mô hình đã mạnh dạn ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong sản xuất và trở thành mô hình điển hình³⁰ đã góp phần tăng giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, tạo việc làm, khôi phục giá trị sản phẩm truyền thống của địa phương.

²⁹Hệ thống cung cấp khí LPG, LNG cho Khu công nghiệp Phú Vinh thuộc Khu kinh tế Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng của Công ty TNHH xử lý và tái chế Tro xỉ Việt Hải; Trạm sản xuất Bê tông nhựa nóng, nhũ tương nhựa đường và thiết bị thi công công trình của Công ty cổ phần Phát triển công nghiệp - Xây lắp và Thương mại Hà Tĩnh; Nhà máy sản xuất, gia công cơ khí và chế biến

các sản phẩm có nguồn gốc từ đá vôi và Dolomite của Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản Vôi Việt, ...

³⁰Sử dụng năng lượng mặt trời trong sản xuất, chế biến nước mắm; mô hình chế biến sữa biển ở Kỳ Ninh, các mô hình sản xuất, chế biến giò chả, bún miến, mô hình sản xuất rau...

- Lĩnh vực Y tế, giáo dục và Văn hóa

Ngành Y tế đã tổ chức nghiên cứu nhiều đề tài để giải quyết các vấn đề bức xúc xảy ra, đến nay, đơn vị đều có trên 30 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở được Sở Y tế công nhận. Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh đã triển khai ứng dụng nhiều phương pháp mới, dịch vụ kỹ thuật mới, trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng khám và điều trị, chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

Ngành GD&ĐT thị xã tiếp tục tập trung nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở tất cả các cấp học. Công tác ứng dụng, chuyển giao và tiếp thu công nghệ mới, công nghệ thông tin vào công tác quản lý, giảng dạy và học tập của ngành Giáo dục được chú trọng, khuyến khích. Trên cơ sở đó, ngành GD&ĐT đã tổ chức ứng dụng và triển khai một số nội dung như ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy như: Phần mềm quản lý hồ sơ điện tử Smas, Vndu, Vnedu; phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục; phần mềm bài giảng điện tử..

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính được quan tâm và đạt kết quả cao; các ứng dụng CNTT hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Công tác QLNN về tiêu chuẩn đo lường trên địa bàn

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trên thị trường, thời gian qua, UBND thị xã Kỳ Anh đã tăng cường hoạt động phối hợp thanh tra, kiểm tra tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hàng hóa. Qua đó góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể:

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt thực hiện Dự án “Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “nước mắm Kỳ Ninh” dùng cho sản phẩm nước mắm của thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” nhằm đảm bảo danh tiếng, nâng cao giá trị của sản phẩm trên thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, từ đó góp phần cải thiện thu nhập, đời sống của các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm nước mắm trên địa bàn xã Kỳ Ninh và thị xã Kỳ Anh.

Tổ chức rà soát, đăng ký nhu cầu truy xuất nguồn gốc cây đào, cây mai trên địa bàn để quản lý và giám sát chặt chẽ việc chặt phá, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng trái pháp luật cây và cành đào, mai từ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đồng thời tạo mọi điều kiện cho người dân, doanh nghiệp trồng đào, mai được tự do khai thác, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng cây và cành đào, mai.

Duy trì hoạt động của hệ thống cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn. Các mô hình này đã khẳng định được vai trò trong việc đem lại sự công bằng cho người tiêu dùng, hạn chế tình trạng gian lận trong lưu thông hàng hoá, được quần chúng Nhân dân đồng tình ủng hộ;

Phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, đo lường chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Tổng số cơ sở đã kiểm tra 433 cơ sở, xử phạt 10 cơ sở số tiền 21.750.000 đồng.

Phối hợp Hội bảo vệ quyền lợi Người tiêu dùng tỉnh, Chi cục TC-ĐL-CL tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng hoạt động của các chợ, siêu thị trên địa bàn về việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa;

Phối hợp cùng Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức thực hiện kiểm định các phương tiện đo tại các chợ và tại các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, khu vực kinh doanh hải sản Eo Bạch - Vũng Áng.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức điều tra, khảo sát đề xây dựng Dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho cây mai vàng Kỳ Nam”.

Công tác ISO hành chính: Duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại 11 xã, phường và cơ quan UBND thị xã.

3. Tồn tại, hạn chế

- Hoạt động khoa học và công nghệ chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu, chưa thực sự trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Tuy đã triển khai một số chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm, nhưng các nhiệm vụ trong từng chương trình thiếu gắn kết nên hiệu quả còn hạn chế; các chương trình khoa học và công nghệ chưa được lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội khác. Mặc dù số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm được các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiều, nhưng số lượng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội không nhiều, do đó số đề tài, dự án hàng năm được đưa vào thực hiện ít; số doanh nghiệp tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đạt thấp; sự kết hợp giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý, tổ chức chuyển giao công nghệ còn hạn chế. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, cải tiến, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, như thiếu thông tin về thị trường, công nghệ, vốn. Thiếu các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ để tư vấn về công nghệ, giám định và đánh giá công nghệ, đàm phán và xây dựng hợp đồng chuyển giao công nghệ, môi giới mua bán công nghệ.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mặc dù có những đổi mới, nhưng còn tồn tại một số vướng mắc nên hoạt động nghiên cứu, ứng dụng chưa phát triển mạnh ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Công tác lập kế hoạch khoa học và công nghệ chưa phù hợp với hoạt động đặc thù của khoa học và công nghệ.

- Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, cán bộ quản lý khoa học và công nghệ thiếu về số lượng, chất lượng còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tham mưu kịp thời các quy định để triển khai các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn.

4. Giải pháp trong thời gian tới

- Tăng cường nâng cao nhận thức về khoa học và công nghệ;
- Xây dựng chính sách thị xã và và thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ KHCCN của tỉnh;
- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, truyền thông và hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ;

Kính thưa Hội nghị! Trên đây là một số ý kiến phát biểu tham luận về nội dung “ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ trên địa bàn”.Cuối cùng xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các đồng chí đại biểu khách quý, các đồng chí tham dự hội nghị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc hội nghị thành công tốt đẹp!

BÀI THAM LUẬN HỘI NGHỊ

TỔNG KẾT NĂM 2022 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ TĨNH.

(Ông: Nguyễn Danh Kỳ - Giám đốc Vườn Quốc gia Vũ Quang trình bày)

Kính thưa quý vị đại biểu! Thưa toàn thể Hội nghị!

Hôm nay được mời tham dự và phát biểu trước Hội nghị đó là niềm vinh dự lớn lao cho cá nhân cũng như Vườn Quốc gia Vũ Quang là một đơn vị đăng ký hoạt động trong lĩnh vực Khoa học Công nghệ. Lời đầu tiên cho phép tôi gửi tới các đồng chí Lãnh đạo Tỉnh, Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Khoa học công nghệ, quý vị đại biểu về tham dự Hội nghị lời chúc sức khỏe. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Kính thưa toàn thể Hội Nghị.

Trước hết tôi xin được chúc mừng những kết quả và thành tựu của Sở KH&CN Hà Tĩnh đã đạt được trong năm 2022 và đồng thuận cao các phương hướng, giải pháp và nhiệm vụ triển khai trong năm 2023 qua các báo cáo được trình bày trước Hội nghị. Được sự giới thiệu của Ban Tổ chức tôi xin thay mặt cho đơn vị VQG Vũ Quang gửi tới Hội nghị Tham luận “***Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Vũ Quang trong thời gian qua***”

Kính thưa toàn thể Hội nghị

Từ nhiều năm nay, đa dạng sinh học đã trở thành vấn đề nóng được quan tâm trên toàn cầu. Việt Nam được đánh giá là 1 trong 25 Quốc gia có sự đa dạng sinh học cao. Tuy nhiên, cũng như nhiều quốc gia khác, chúng ta đang đứng trước không ít thách thức khi mà bảo tồn đa dạng sinh học có liên quan mật thiết tới phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Có thể nói, ĐDSH đã mang lại những lợi ích trực tiếp cho con người và đóng góp to lớn cho nền kinh tế Quốc gia. Nếu chúng ta biết quản lý, giám sát để sử dụng một cách bền vững thì đây chính là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, du lịch bền vững; là nền tảng của y dược truyền thống, là ngân hàng gen vô cùng quý giá tạo giống vật nuôi, cây trồng, chuyển giao khoa học công nghệ, phục vụ cho quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước.

Vườn Quốc gia Vũ Quang được biết đến khi đây là nơi phát hiện và công bố 2 loài thú mới cho khoa học gây chấn động giới bảo tồn Quốc tế là loài Sao La và loài Mang Lớn vào đầu những năm thập niên 90. Được biết đến là một trung tâm có tính đa dạng sinh học cao bậc nhất của Việt Nam, nơi đây lưu giữ nhiều nguồn gen sinh vật rất có giá trị cho công tác bảo tồn. Vườn nằm trong một vùng sinh thái có mức độ ưu tiên toàn cầu, được xác định là cực kỳ quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học cho cả khu vực Đông nam Á. Với chức năng nhiệm vụ chính là bảo tồn mẫu chuẩn về hệ sinh thái rừng Bắc Trường Sơn, bảo tồn sự

đa dạng sinh học đặc trưng của rừng tự nhiên thuộc dãy Trường Sơn, tiếp giáp với biên giới Việt Nam – Lào. Vườn Quốc gia Vũ Quang còn góp phần duy trì cân bằng sinh thái và gia tăng độ che phủ rừng, bảo đảm an ninh môi trường và sự phát triển bền vững về tự nhiên kinh tế của các tỉnh thuộc khu IV. Bên cạnh đó, Vườn còn giúp phát huy các giá trị của hệ sinh thái rừng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tham quan và du lịch sinh thái. Với những giá trị to lớn về đa dạng sinh học, tầm quan trọng cho công tác bảo tồn VQG Vũ Quang chính thức được Hiệp hội Vườn Di Sản Đông Nam Á (AHP) công nhận là “Vườn di sản ASEAN” vào năm 2018. Việc công nhận danh hiệu Vườn Di sản ASEAN góp phần quan trọng đối với công tác bảo tồn các hệ sinh thái không chỉ có đa dạng sinh học cao mà còn có giá trị văn hóa, lịch sử đối với từng Quốc gia và cả khu vực. Nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của Việt Nam, cho tỉnh Hà Tĩnh ở tầm khu vực và Châu lục về hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học.

Kính thưa Hội Nghị

Vườn Quốc gia Vũ Quang là một đơn vị đăng ký hoạt động trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, đơn vị trực thuộc Sở NN & PTNT. Trong những năm qua công tác nghiên cứu khoa học, bảo tồn đa dạng sinh học và chuyển giao ứng dụng Khoa học công nghệ tại khu vực luôn được đơn vị chú trọng và xem là nhiệm vụ nòng cốt nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng nhiệm vụ nói chung cũng như các Nghị định, Chỉ thị của nhà nước ban hành. Thời gian qua được sự quan tâm của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh, VQG Vũ Quang đã tiến hành thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học công nghệ Cấp tỉnh, cả 2 nhiệm vụ được hội đồng khoa học đánh giá “Xuất sắc” về kết quả thực hiện cũng như hiệu quả mang lại của nghiên cứu; cụ thể.

Giai đoạn 2018-2020 đơn vị chủ trì thực hiện Đề tài “***Đánh giá thực trạng các loài thú thuộc bộ Linh trưởng (Primates) có nguy cơ tuyệt chủng tại Vườn Quốc gia Vũ Quang và xây dựng phương án bảo tồn***” theo đó kết quả nghiên cứu của đề tài đã xác định được tại khu vực có sự xuất hiện của 8 loài Linh trưởng nguy cấp quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cao và xây dựng được phương án bảo tồn có tính khả thi cho từng nhóm loài. Xác định được khu vực phân bố của từng loài nhằm thực hiện có hiệu quả công tác giám sát và bảo tồn đa dạng sinh học của các loài Linh trưởng tại VQG Vũ Quang. Đề tài được thực hiện trong bối cảnh hết sức cấp thiết khi ngày 10/5/2017 chính phủ Việt Nam ra Quyết định số 628/QĐ-TTg “về việc phê duyệt kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài Linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn 2030” cho thấy sự cấp bách cần phải hành động trong việc bảo tồn các loài Linh trưởng và Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 của Thủ tướng chính phủ về Một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã. Hiệu quả mang lại về mặt xã hội của đề tài là hết sức lớn lao, thông qua các phương án bảo tồn như giáo dục tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng và thông tin đại chúng từ năm 2019 đến nay hàng trăm các cá thể động vật hoang dã được người dân và các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh tin tưởng và giao nộp cho VQG Vũ Quang chăm sóc trước khi tái thả về môi trường tự nhiên nhằm thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Theo thống kê của

phòng chuyên môn giai đoạn 2019 – 2022 VQG Vũ Quang đã tiếp nhận 474 các cá thể động vật hoang dã trong đó có 135 là các loài Linh trưởng được giao nộp để tái thả về môi trường tự nhiên, đây là kết quả khẳng định cho cho việc thực hiện có hiệu quả của đề tài nghiên cứu. Qua đây VQG Vũ Quang một lần nữa cảm ơn tới Sở KH&CN đã hết sức chú trọng, đồng hành, tạo điều kiện và góp sức cho công cuộc bảo tồn đa dạng sinh học một vấn đề được Chính phủ Việt Nam và thế giới hết sức quan tâm cũng như giúp sức cho VQG Vũ Quang thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

Kế tiếp thành công của đề tài thứ nhất, Giai đoạn 2020-2022 VQG Vũ Quang tiếp tục được sở KH&CN giao nhiệm vụ thực hiện đề tài “ *Nghiên cứu đánh giá thực trạng các loài thực vật có giá trị làm thuốc chữa bệnh tại VQG Vũ Quang, Hà Tĩnh và các xã vùng đệm*” Kết quả của nghiên cứu đã thống kê được tại khu vực có sự góp mặt của 426 loài thực vật có giá trị làm thuốc chữa bệnh với 21 nhóm bệnh được liệt kê có thể sử dụng các bộ phận của cây thuốc để chữa trị. Nghiên cứu đã thống kê được 25 loài cây thuốc nguy cấp quý hiếm và có giá trị cao được người dân thu hái dẫn đến tình trạng khan hiếm tại khu vực và xây dựng được bản đồ phân bố của các loài này. Nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng khai thác cũng như công tác quản lý nguồn tài nguyên cây thuốc tại khu vực làm căn cứ cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn nguồn gen cây thuốc tại VQG Vũ Quang, bên cạnh đó nghiên cứu cũng đã đề xuất nhân giống, phát triển một số loài cây thuốc có tiềm năng và giá trị kinh tế trong giai đoạn 2020-2025 và giai đoạn 2025-2030 nhằm xây dựng mô hình, chuyên giao khoa học công nghệ, tạo vùng nguyên liệu cây thuốc góp phần ổn định kinh tế xã hội cộng đồng dân cư gần rừng. Các kết quả của đề tài là cơ sở dữ liệu cho VQG Vũ Quang, làm căn cứ cho việc tiếp cận, kêu gọi dự án đầu tư, chương trình nghiên cứu từ các tổ chức liên quan đến công tác bảo tồn đa dạng sinh học trong thời gian tới; Là thông tin rất có giá trị cung cấp cho các ngành chức năng như Sở Khoa học Công nghệ, Sở NN&PTNT, Sở Y tế trong việc hoạch định chiến lược phát triển, cung ứng nguồn cây thuốc, dược liệu cho Tỉnh để từ đó xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển dân sinh kinh tế, xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư các huyện miền núi gần rừng Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang; góp phần bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc nói riêng tại khu vực.

Kính thưa toàn thể Hội nghị

VQG Vũ Quang với nhiều tiềm năng lợi thế cần được đánh thức và nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ. Bên cạnh đó đơn vị có cơ sở vật chất và đội ngũ chuyên môn được đào tạo bài bản, bên cạnh đó đơn vị có sự phối hợp chặt chẽ lâu dài với các chuyên gia, tổ chức nghiên cứu khoa học trong cả nước đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khoa học công nghệ khi tham gia thực hiện. VQG Vũ Quang Cam đoan thực hiện tốt, có hiệu quả và trách nhiệm cao nhất với mỗi nhiệm vụ khi được Sở KH&CN giao phó.

Qua Hội nghị xin có một số Kiến nghị như sau.

1: Với việc thực hiện có hiệu quả, trách nhiệm các nhiệm vụ được giao, thời gian tới kiến nghị Sở KH&CN quan tâm, tạo điều kiện để VQG Vũ Quang tiếp tục được đăng ký và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN. Hiện tại trong năm 2023 VQG Vũ Quang chưa có nhiệm vụ thực hiện kiến nghị Sở KH&CN xem xét bổ sung.

2: Các kết quả của đề tài “*Nghiên cứu đánh giá thực trạng các loài thực vật có giá trị làm thuốc chữa bệnh tại VQG Vũ Quang, Hà Tĩnh và các xã vùng đệm*” là hết sức có ý nghĩa, là căn cứ quan trọng cho việc đề xuất, nhân rộng, phát triển, xây dựng vùng nguyên liệu các loài cây thuốc tiềm năng thông mô hình sản xuất và tạo sản phẩm tiêu dùng cho người dân, góp phần phát triển kinh tế tại khu vực. Kính đề nghị Sở KH&CN quan tâm để nghiên cứu được mở rộng và triển khai các hoạt động tiếp theo khi được đăng ký, đề xuất.

3. Việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học cấp Bộ (Bộ KH&CN). Thời gian qua VQG Vũ Quang đã có đề xuất nhằm thực hiện những nhiệm vụ lớn hơn, có giá trị khoa học và ứng dụng cao hơn cụ thể trong giai đoạn 2021-2025. Kính đề nghị Sở KH&CN hết sức quan tâm, hướng dẫn phối hợp để cùng thực hiện nhiệm vụ./.

Tham luận về kết quả ứng dụng, chuyển giao Khoa học & Công nghệ trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh

Trung tâm UDKHKT và BVCTVN thị xã Hồng Lĩnh

Kính thưa quý vị đại biểu!

Kính thưa hội nghị!

Thị xã Hồng Lĩnh có diện tích đất nông nghiệp 3.319ha, trong đó đất trồng lúa 1.642ha, đất trồng cây hàng năm 72 ha, đất trồng cây lâu năm 368 ha, đất nuôi trồng thủy sản 40ha; còn lại là đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất và đất nông nghiệp khác. Toàn thị xã có 5.103 hộ dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Trong năm 2022, thị xã Hồng Lĩnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực: kinh tế tiếp tục tăng trưởng, văn hóa xã hội chuyển biến tích cực, quốc phòng, an ninh được giữ vững, đời sống Nhân dân từng bước được nâng lên. Để đạt được kết quả đó có phần đóng góp quan trọng của ngành khoa học và công nghệ trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, xây dựng các mô hình, đề tài, dự án khoa học công nghệ đạt hiệu quả cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thị xã. Ngành khoa học công nghệ thị xã ngày càng khẳng định được vai trò, vị trí của mình trong phát triển kinh tế địa phương. Công tác ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật được đẩy mạnh trên tất cả các lĩnh vực, các tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tiếp tục được ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả. Các mô hình đạt kết quả tốt, tạo sinh kế cho người dân và được tổ chức nhân rộng.

Thị xã phát động các phong trào thi đua lao động sáng tạo tại các cơ quan, đơn vị, phường, xã đã có nhiều đề tài sáng kiến kinh nghiệm áp dụng các lĩnh vực; trong năm 2022, thị xã có 258 đề tài sáng kiến kinh nghiệm được Hội đồng sáng kiến thị xã xét và Chủ tịch UBND thị xã Quyết định công nhận; có 32 đề tài, sáng kiến ngành giáo dục đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh.

Trên lĩnh vực Nông nghiệp trong năm qua được sự hỗ trợ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh. Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi thị xã Hồng Lĩnh đã triển khai, thực hiện có hiệu quả một số mô hình điển hình như:

Mô hình “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhân rộng mô hình nuôi lươn không bùn tại thị xã Hồng Lĩnh” quy mô diện tích 175 m², gồm 25 bể, mỗi bể có diện tích 7 m² (2m x 3,5m), lượng giống lươn thả nuôi 52.500 con, số hộ tham gia 02 hộ (*tại phường Trung Lương 01 hộ; tại xã Thuận Lộc 01 hộ*). Trung tâm cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn về kỹ thuật chăm sóc, phòng chống dịch bệnh, xử lý nước tuần hoàn...; Kết quả 11 tháng nuôi, sử dụng thức ăn công nghiệp có hàm lượng protein $\geq 40\%$ và kết hợp thức ăn dịch trùn quế. Lươn sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống trên 95%, trọng lượng trung bình 159,5g/con; tốc

độ tăng trưởng trung bình 14,3g/ con/ tháng. Nuôi lươn không bùn là đối tượng nuôi mới, áp dụng kỹ thuật mới trên địa bàn, là đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao, đầu ra thuận lợi, nhu cầu thị trường lớn với đặc sản “Lươn Xứ Nghệ”. Mô hình nuôi lươn không bùn triển khai thành công đã bổ sung đối tượng thủy sản nuôi mới có hiệu quả và hiện nay đã nhân rộng được 09 mô hình trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh, các mô hình nhân rộng lươn sinh trưởng và phát triển tốt, cho hiệu quả kinh tế cao, thu nhập 50 triệu -100 triệu/mô hình. Ngoài ra các hộ tham gia thực hiện mô hình còn cung cấp con giống và hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ nuôi trên địa bàn toàn tỉnh.

Mô hình “Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi cá Leo (*Wallago attu*) thương phẩm tại thị xã Hồng Lĩnh”, quy mô 02 ha, lượng cá leo giống thả nuôi 20.000 con, số hộ tham gia 03 hộ (*tại phường Đức Thuận 02 hộ; tại xã Thuận Lộc 01 hộ*). Sử dụng thức ăn công nghiệp có hàm lượng protein $\geq 40\%$ và kết hợp thức ăn tự chế (cá tạp, ốc biêu vàng...). Cá leo sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống trên 95%, tốc độ tăng trưởng trung bình 150g/ con/ tháng. Cá leo là đối tượng nuôi mới trên địa bàn, có giá trị kinh tế cao, nhu cầu tiêu thụ khá lớn. Mô hình triển khai thành công đã bổ sung đối tượng thủy sản mới có hiệu quả, đã được nhân rộng trên địa bàn.

Mô hình sản xuất vi sinh IMO để xử lý nước thải, rác thải hộ gia đình, với quy mô 1500 lít, số hộ tham gia 200 hộ gia đình, đã xử lý được 90% lượng rác hữu cơ hộ gia đình thành phân bón và xử lý nước thải hộ gia đình bằng bể 3 ngăn ứng dụng vi sinh để xử lý, qua đó đã giảm lượng rác thải, nước thải ra môi trường, góp phần thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

Mô hình sản xuất thử nghiệm các giống cây mới như: Đưa vào sản xuất thử nghiệm các giống lúa thuần Hà Phát 3, MHC2 qua theo dõi, đánh giá bước đầu đã xác định giống Hà Phát 3 cho năng suất cao, chất lượng tốt, bước đầu thích nghi trên địa bàn, năng suất cao hơn 5 - 10% so với các giống truyền thống đang sản xuất trên địa bàn. Qua kết quả đó giống lúa Hà Phát 3 đã được bổ sung vào bộ giống chủ lực trong đề án sản xuất của thị xã Hồng Lĩnh và của tỉnh Hà Tĩnh ở vụ Xuân 2023.

Mô hình 02ha chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên vùng màu và đất lúa một vụ kém hiệu quả sang trồng Ôi Đai Loan đã cho hiệu quả kinh tế gấp 5 lần trồng lúa. Hiện nay đã và đang được nhân rộng;

Thực hiện chương trình Ze bu hóa đàn bò, kết quả tăng tỷ lệ bò zê bu lên hơn 75% tổng đàn, đặc biệt tỷ lệ bò lai 3B chiếm 70% trong kết quả phối dẫn, cho hiệu quả gấp hai lần so với chăn nuôi bò cỏ truyền thống, hiện nay đang thực hiện thí điểm phối giống bằng tinh chọn lọc đảm bảo sinh ra con lai 100% giống đực, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho hộ chăn nuôi bò trên địa bàn. Thực hiện mô hình chăn nuôi bò thịt tập trung chất lượng cao quy mô 100 con/trại tại xã Thuận Lộc, hiện nay bò sinh trưởng, phát triển tốt và chuẩn bị xuất bán.

Chuyển giao và phối hợp thực hiện quy trình” Thâm canh lúa cải tiến- SRI” qua thực hiện đã giảm lượng giống, lượng nước tiêu hao, giảm thuốc bảo vệ thực

vật, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế. Đã được nhân dân áp dụng nhân rộng;

Ngoài ra tuyên truyền vận động, hỗ trợ, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới như: Kỹ thuật nuôi và nhân giống giống Dê Bách Thảo; Kỹ thuật nuôi và nhân giống Vịt Trời qua đó đã có hai mô hình Nuôi Vịt Trời và giống Dê Bách Thảo đã thực hiện hiệu quả, đã cung ứng thương phẩm trên thị trường và cung ứng con giống cho các hộ chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

Kính thưa các đồng chí!

Tuy công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất thời gian qua đã giành được nhiều thành tựu đáng kể, song vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và sự phát triển của thị xã.

Những tồn tại, hạn chế như sau:

- Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, chủ trương tích tụ ruộng đất còn gặp nhiều khó khăn nên chưa khuyến khích được các hộ dân, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực Nông nghiệp, đặc biệt là các mô hình ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế;

- Đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp chưa ổn định, chi phí đầu vào còn cao trong khi đó giá thành còn phụ thuộc nhiều vào biến động thị trường. Công tác khuyến công về nông nghiệp còn hạn chế;

- Trung tâm hiện nay chủ yếu đang thực hiện ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trên lĩnh vực nông nghiệp, các lĩnh vực khác còn hạn chế, chưa tương xứng với vai trò nhiệm vụ của đơn vị ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn.

Xuất phát từ thực tiễn khách quan nêu trên và để đẩy mạnh việc ứng dụng nhân rộng các mô hình khoa học và công nghệ đạt hiệu quả cao năm 2023 và những năm tiếp theo,

Tôi xin đề xuất một số giải pháp với nội dung sau:

Thứ nhất: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đối với công tác ứng dụng KHKT vào sản xuất và đời sống;

Phải xác định KHKT là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất. Cần xây dựng những chương trình, kế hoạch cụ thể về ứng dụng KHKT vào sản xuất và phân công cán bộ theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời.

Kịp thời phát hiện, biểu dương những cán bộ, đảng viên, người sản xuất có những sáng kiến, đóng góp tích cực cho công tác ứng dụng KHKT vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế.

Thứ hai: Chỉ đạo các huyện, thành phố, thị xã thành lập hội đồng khoa học công nghệ; Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân trong hoạt

động khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn;

- Trong công tác ứng dụng, chuyển giao KHKT vào sản xuất, yếu tố con người phải được đặt lên hàng đầu, có cán bộ giỏi, tâm huyết mới làm được, KHKT mới đến được với nông dân và người sản xuất.

Thứ ba: Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHKT vào sản xuất nông nghiệp.

Cần tích cực, chủ động hợp tác với các cơ quan nghiên cứu (các trường, viện nghiên cứu ..), các doanh nghiệp, các cơ quan chuyên môn. Để làm tốt công tác chuyển hoá kết quả nghiên cứu vào sản xuất; chuyển giao một cách nhanh nhất những tiến bộ kỹ thuật mới đến với người nông dân gắn với nhu thực tiễn sản xuất ở các địa phương đang cần.

Cần tuyên truyền, nhân rộng những mô hình hay, cách làm tốt, mang lại hiệu quả bền vững nhằm khích lệ phát huy mọi tiềm năng trí tuệ của nhân dân.

Kính thưa các đồng chí !

Trên đây là một số ý kiến về “Kết quả đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng, chuyển giao Khoa học & Công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tại thị xã Hồng Lĩnh”.

Cuối cùng tôi xin chúc các vị đại biểu, các đồng chí sức khoẻ và hạnh phúc!

Kính chúc hội nghị thành công tốt đẹp !

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí !

Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hương Sơn” dùng cho sản phẩm mật ong của huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Trung tâm Nghiên cứu công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK

Vùng đất Hương Sơn là một miền quê trù phú nằm sát dãy Trường Sơn hùng vĩ, nơi có nhiều rừng rậm, đồi núi, ruộng đồng và thung lũng đan xen. Đặc điểm nổi bật của vùng đất Hương Sơn là thảm thực vật phong phú với rừng tự nhiên, rừng trồng, cây trồng nông nghiệp và cây công nghiệp, do vậy vùng đất này có nguồn hoa đa dạng, phong phú, rất thuận lợi cho nghề nuôi ong, ong được nuôi ở Hương Sơn vốn là loài ong rừng bản địa được thuần chủng, có khả năng bay đi xa để tìm kiếm hoa và rất chọn lọc trong việc tìm phấn hoa do vậy chất lượng mật ong rất cao.

Nhờ những điều kiện tự nhiên thuận lợi, mật ong Hương Sơn được người tiêu dùng đánh giá có những tính chất đặc trưng nổi bật như: Trọng lượng của mật ong Hương Sơn lớn hơn so với mật ong vùng khác; mức độ đồng đều của mật ong Hương Sơn đều hơn so với mật ong vùng khác; mật ong Hương Sơn có màu sắc đẹp hơn, tỉ lệ nước trong mật ong ít hơn, không có vị chua, mật đặc hơn, thời gian bảo quản lâu hơn so với mật ong vùng khác.

Với những phản ứng tích cực của thị trường, kết quả khảo sát cho thấy hiện nay sản phẩm mật ong Hương Sơn đã và đang được người tiêu dùng ở cả 3 miền đất nước đón nhận, từ Hà Tĩnh ra đến Vinh, Hà Nội, vào tận Đà Nẵng, Tây Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và một số địa phương khác. Không chỉ có vậy, hiện một số đơn vị đã thiết lập được các hệ thống bán hàng sử dụng các kênh thương mại điện tử như Sendo, Shopee hoặc tự bán hàng online qua trang web, fanpage và bán hàng tại các điểm giới thiệu sản phẩm OCOP Hà Tĩnh.

Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm mật ong - đặc sản của núi rừng Hương Sơn

Tuy sản phẩm mật ong Hương Sơn đã có danh tiếng và được người tiêu dùng nhiều nơi trên cả nước đón nhận, nhưng suốt một thời gian dài sản phẩm chưa được đăng ký bất kỳ nhãn hiệu cộng đồng nào; trong khi đó tình trạng hàng giả mạo nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, đặc biệt là trên môi trường thương mại điện tử đang diễn biến phức tạp làm gia tăng rủi ro xuất hiện các sản phẩm mật ong Hương Sơn giả mạo nguồn gốc trên thị trường, làm suy giảm danh tiếng và giá trị của sản phẩm mật ong Hương Sơn.

Thấy được những bất cập và hạn chế đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định 3492/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 phê duyệt dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hương Sơn” dùng cho sản phẩm mật ong của huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh” (“Dự án”) và giao UBND huyện Hương Sơn đứng tên đăng ký và quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hương Sơn” cho sản phẩm mật ong của huyện Hương Sơn với mục tiêu nâng cao

đanh tiếng, chất lượng, giá trị sản phẩm mật ong của huyện, đồng thời đưa thương hiệu “Mật ong Hương Sơn” trở thành tài sản chung của cộng đồng sản xuất, kinh doanh mật ong của huyện Hương Sơn.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát, đơn vị chủ trì đã xác định và xây dựng bộ tiêu chí chứng nhận sản phẩm mật ong Hương Sơn với những tính chất đặc trưng về cảm quan và chất lượng như sau:

Về cảm quan, sản phẩm mật ong đa hoa có màu vàng đến sẫm nâu, ít bị biến đổi màu theo thời gian, mùi thơm hơi hắc, vị ngọt mát và dịu, không khé, trạng thái lỏng, sánh và trong; sản phẩm mật ong Đông chí có màu sẫm nâu, ít bị biến đổi màu theo thời gian, mùi thơm hơi hắc, vị ngọt mát và dịu, không khé, trạng thái lỏng, sánh và trong.

Về chất lượng, sản phẩm mật ong Hương Sơn có các tính chất đặc trưng về thành phần lý, hóa, vi sinh và hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
A	Mật ong đa hoa		
1	Ẩm độ	%	≤ 23
2	Tổng đường khử (Fructose + Glucose)	%	≥ 60
3	Đường Saccharose	%	≤ 5
4	Hydrometyl Furfural	mg/kg	≤ 40
5	Hoạt lực diastasa	Gote	≥ 8
6	Acid tự do	ml/NaOH 1N/100g	≤ 5
7	Chất rắn không tan	g/100g	≤ 0,1
8	Chì	mg/kg	Không vượt giới hạn cho phép theo quy định hiện hành. (QCVN 8-2:2011/BYT quy định giới hạn ô nhiễm kim loại nặng)
9	Cadimi	mg/kg	
10	Abamectyl	mg/kg	Theo thông tư 50/2016/TT-BYT
11	Metalaxyl	mg/kg	
12	Streptomycine	mg/kg	Theo quy định hiện hành
13	Coliforms	CFU/g	QCVN 8-1:2011/BYT quy định giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm
14	E.coli	CFU/g	
B	Mật ong Đông chí		
1	Ẩm độ	%	≤ 21

2	Tổng đường khử (Fructose + Glucose)	%	≥ 70
3	Đường Saccharose	%	≤ 5
4	Hydrometyl Furfural	mg/kg	≤ 20
5	Hoạt lực diastasa	Gote	≥ 8
6	Acid tự do	ml/NaOH 1N/100g	≤ 5
7	Chất rắn không tan	g/100g	$< 0,1$
8	Chì	mg/kg	Không vượt giới hạn cho phép theo quy định hiện hành. (QCVN 8-2:2011/BYT quy định giới hạn ô nhiễm kim loại nặng)
9	Cadimi	mg/kg	
10	Abamectyl	mg/kg	Theo thông tư 50/2016/TT-BYT
11	Metalaxyl	mg/kg	
12	Streptomycine	mg/kg	Theo quy định hiện hành
13	Coliforms	CFU/g	QCVN 8-1:2011/BYT quy định giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm
14	E.coli	CFU/g	

Trên cơ sở bộ tiêu chí chứng nhận được xây dựng, đơn vị chủ trì đã hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và nộp đến Cục Sở hữu trí tuệ, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hương Sơn” với số đơn 4-2021-08807 vào ngày 12/03/2021.

Sau quá trình kiểm tra hồ sơ đăng ký và thẩm định các điều kiện bảo hộ, ngày 29/10/2021 Cục Sở hữu trí tuệ đã có Quyết định số 82656/QĐ-SHTT về việc cấp văn bằng số 401179, chính thức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hương Sơn”.

Khu vực địa lý vùng sản xuất sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hương Sơn” bao gồm toàn bộ khu vực địa lý của huyện Hương Sơn.

Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hương Sơn” được cấp đã tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc để bảo hộ quyền SHTT gắn với sản phẩm mật ong của núi rừng Hương Sơn, cung cấp công cụ để xử lý các chủ thể thực hiện hành vi sản xuất và kinh doanh sản phẩm mật ong giả mạo nguồn gốc xuất xứ Hương Sơn trên thị trường. Bên cạnh văn bằng bảo hộ nhãn hiệu được cấp, hệ thống văn bản, biểu mẫu quản lý sử dụng và hệ thống nhận diện thương hiệu mang nhãn hiệu chứng nhận đã được xây dựng và được Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn phê duyệt để triển khai sử dụng trên thực tế, tạo cơ sở để nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hương Sơn” sau khi được bảo hộ đã được sử dụng một cách đồng bộ và hiệu quả.

Việc triển khai thành công Dự án với điểm nhấn quan trọng nhất là văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận được cấp đã trở thành một trong những sự kiện khoa học, công nghệ quan trọng của huyện, bởi những sản phẩm được tạo lập từ Dự án đã góp phần làm gia tăng danh tiếng, giá trị sản phẩm mật ong mang nhãn hiệu chứng nhận thông qua việc xác định các tính chất đặc trưng và xây dựng thành công bộ tiêu chí chứng nhận đặc tính riêng biệt của sản phẩm, cùng hệ thống công cụ kiểm soát sử dụng nhãn hiệu đó, tạo sự đồng nhất về chất lượng, về nguồn gốc của sản phẩm được lưu thông trên thị trường.

Trong bối cảnh các tiêu chí về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ sản phẩm đã và đang là mối quan tâm hàng đầu của người tiêu dùng Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung khi chất lượng cuộc sống ngày càng được cải thiện và nâng cao, việc thương hiệu “Mật ong Hương Sơn” được tạo lập quyền sở hữu trí tuệ đã góp phần nâng cao danh tiếng, chất lượng, vị thế sản phẩm mật ong của huyện Hương Sơn trên thị trường, củng cố niềm tin nơi người tiêu dùng, mở ra cơ hội để sản phẩm mật ong của huyện Hương Sơn đến gần hơn với người tiêu dùng trên khắp mọi miền đất nước và vươn tầm thế giới./.

ỨNG DỤNG KH&CN NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHỀ SẢN XUẤT NẤM TẠI HUYỆN THẠCH HÀ

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Phú Cường Đạt

Những năm qua, nghề trồng nấm phát triển khá mạnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh nói chung và huyện Thạch Hà nói riêng. Qua đó, tạo thêm nguồn thực phẩm sạch, nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, thúc đẩy nền kinh tế địa phương phát triển. Không những thế, trồng nấm còn tận dụng các phế thải trong nông nghiệp, công nghiệp như: rơm, rạ, bã mía, mùn cưa, bông vải,... giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Sau nhiều năm thực hiện các dự án về xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn, nấm dược liệu cũng như triển khai chuyên giao khoa học công nghệ về sản xuất các chủng giống này, huyện Thạch Hà đã đạt được những kết quả quan trọng. Huyện phối hợp với đơn vị chuyên môn tập huấn chuyển giao công nghệ giúp người dân nắm vững quy trình kỹ thuật, đủ năng lực phát triển nghề trồng nấm ăn, nấm dược liệu. Từ đó, làm chủ quy trình kỹ thuật và có khả năng tự tổ chức, đầu tư mở rộng quy mô tại địa phương, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Nấm được xác định là một trong những sản phẩm chủ lực nên huyện đã ban hành nhiều văn bản, chính sách cụ thể nhằm phát triển thành một ngành sản xuất hàng hóa chủ lực, hiệu quả cao và bền vững, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Hình thành các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp thu mua và chế biến sản phẩm từ nấm tươi.

Hiện nay, toàn bộ sản lượng nấm được tiêu thụ chủ yếu tại chỗ dưới dạng nấm tươi, còn lại là sơ chế phơi khô hoặc sấy bán ra thị trường trong và ngoài tỉnh. Nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng ngành sản xuất nấm theo hướng hàng hóa, tập trung quy mô công nghiệp, từng bước ứng dụng Khoa học công nghệ, có sự gắn kết chặt chẽ từ khâu nghiên cứu, sản xuất, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ, tạo thương hiệu; góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tạo ra nguồn hàng hóa giá trị cao, phục vụ nhu cầu trong nước, quốc tế.

Thạch Hà là huyện thuần nông, đời sống của hầu hết người dân phụ thuộc chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp. Trong những năm qua, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt của cấp ủy Đảng, chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể cùng những nỗ lực, cố gắng của bà con nông dân trong việc khắc phục khó khăn, đầu tư thâm canh nên nền nông nghiệp huyện nhà nói chung, nghề sản xuất nấm nói riêng có những chuyển biến tích cực cả về năng suất, chất lượng và giá trị.

Sản xuất nấm ở Thạch Hà đem lại hiệu quả cho hộ dân và thể hiện nhiều ưu thế vượt trội như: tận dụng được phụ phẩm của sản xuất nông nghiệp, tận dụng thời gian nông nhàn ở nông thôn để tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và sản lượng nấm tăng lên hàng năm. Năm 2022, sản lượng nấm toàn

huyện đạt 50 tấn các loại, trong đó nấm sò 34,4 tấn, mộc nhĩ khô 15 tấn, linh chi khô 0,6 tấn. Bên cạnh đó, nấm là sản phẩm sạch, giàu chất dinh dưỡng, phòng và chữa bệnh rất tốt. Đặc biệt, nấm ăn không gây những tác dụng bất lợi cho con người như nấm động vật, tinh bột ở thực vật nên nhu cầu sử dụng ngày càng nhiều. Tuy vậy, để nghề nấm phát triển vững bền, nhà nước cần có phương án mang tính chiến lược đồng bộ, lâu dài tiếp tục hỗ trợ khuyến khích người dân, tổ hợp tác, doanh nghiệp.

Hiện nay, huyện Thạch Hà đã bổ sung sản phẩm nấm vào hệ thống các sản phẩm quan trọng của địa phương. Hầu hết các xã trên địa bàn có điều kiện phù hợp để sản xuất, có quy hoạch phát triển sản xuất nấm gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Các địa phương đã triển khai mô hình sản xuất các loại nấm ăn và nấm dược liệu. Việc đẩy mạnh sản xuất nấm gắn liền với khâu liên kết từ người sản xuất đến các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ đảm bảo tính bền vững lâu dài; đảm bảo đầu ra, giá cả ổn định cho người trồng nấm.

Thời gian qua, có nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh nấm hiệu quả quy mô hộ gia đình, trang trại, gia trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nấm. Điển hình là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Cường Đạt đã nắm bắt được nhu cầu sản xuất cũng như tiêu dùng của người dân để triển khai thực hiện thành công dự án: “Ứng dụng Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình chế biến, tiêu thụ nấm ăn tại huyện Thạch Hà”. Công ty đã thành lập nhóm nghiên cứu, thí nghiệm chế biến nấm sò với nhiều công thức khác nhau và lựa chọn được 1 công thức nấm sò muối chua ngọt, 1 công thức mứt nấm sò đưa vào sản xuất đại trà. Quy trình chế biến tối ưu, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng, góp phần đa dạng hóa sản phẩm từ nấm, phục vụ tốt hơn nhu cầu tiêu dùng, đồng thời bao tiêu sản phẩm cho người dân sản xuất nấm trên địa bàn toàn tỉnh. Công ty xây dựng nhà xưởng chế biến nấm với diện tích 200m² đảm bảo tiêu chuẩn. Nhà được chia thành 3 khu vực tiếp nhận nguyên liệu và phân loại, khu vực chế biến, khu vực bảo quản. Các thiết bị máy móc đồng bộ cho dây chuyền chế biến nấm sò muối chua ngọt và mứt nấm sò như: máy sấy lạnh, nồi luộc nấm, máy vắt ly tâm, máy đóng gói chân không, máy sên sản phẩm, máy phối trộn nguyên liệu, bồn lên men ủ sản phẩm và các dụng cụ, thiết bị đáp ứng đầy đủ cho quy trình sản xuất. Công ty đã xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, hoàn thiện quy cách đóng gói bảo quản sản phẩm, xây dựng hồ sơ chất lượng sản phẩm, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; xây dựng hệ thống phân phối thương mại sản phẩm, các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng OCOP.

Trồng nấm ăn và nấm dược liệu tận dụng được thời gian của người lao động, sử dụng các phụ phẩm của ngành nông nghiệp để tạo ra những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm cung cấp cho thị trường. Hơn thế, đối với các loại nấm quý làm dược liệu có giá trị kinh tế cao. Đặc điểm dễ trồng, có thể phát triển ở quy mô nhỏ (từ 5-10m²) hoặc phát triển thành trang trại quy mô hàng hóa.

Nắm bắt được xu thế của thị trường về sử dụng thực phẩm sạch hữu cơ hiện nay rất lớn, trong đó tiềm năng để sản xuất cây nấm phù hợp với điều kiện tại

nông thôn, nhiều hộ quyết định khởi nghiệp nghề trồng nấm nông nghiệp công nghệ cao. Với ý chí quyết tâm, sự năng động, cần cù, tích lũy kinh nghiệm, nhiều dự án, mô hình ở huyện Thạch Hà mang lại hiệu quả đáng khích lệ. Từ đó tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, nâng tầm thương hiệu, mở rộng thị trường, mang lại lòng tin cho người dân và bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

Có thể khẳng định, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nấm đã mang một luồng gió mới, giải quyết khó khăn về thị trường tiêu thụ cho người sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm chế biến nông sản, thúc đẩy phát triển sản xuất cho nền nông nghiệp sạch tại tỉnh Hà Tĩnh nói chung và huyện Thạch Hà nói riêng./.